

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐÀO THỊ SAO

**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI GỬI TIỀN
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐÀO THỊ SAO

**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI GỬI TIỀN
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật Kinh Tế

Mã số : 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

***Cán bộ hướng dẫn khoa học:* PGS.TS. LÊ THỊ THU THỦY**

Hà Nội – 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, đến nay tôi đã hoàn thành bản luận văn tốt nghiệp. Để có được kết quả đó, tôi vô cùng cảm ơn PGS.TS Lê Thị Thu Thủy đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình xác định hướng nghiên cứu và hoàn thiện luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, các cán bộ nhân viên Trung tâm thông tin – thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội và Thư viện Quốc gia Việt Nam cùng bạn bè, gia đình đã giúp đỡ tôi trong quá trình hoàn thành luận văn.

Luận văn là công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, khoa học của bản thân, nhưng do khả năng có hạn nên khó tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Tôi rất mong sự đóng góp nhiệt tình của các thầy, cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn nữa.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHTG	: Bảo hiểm tiền gửi
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
NHTM	: Ngân hàng thương mại
TCTD	: Tổ chức tín dụng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Nền kinh tế nước ta nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, thách thức trong đó lạm phát và bất ổn tỷ giá được coi là hai nguyên nhân chính ảnh hưởng đến nền kinh tế và tác động trực tiếp đến hoạt động ngân hàng. Thị trường tiền tệ có nhiều diễn biến phức tạp như việc huy động vốn khó khăn do lãi suất giảm mạnh, lãi suất cho vay theo đó cũng giảm nhiều nhưng các doanh nghiệp cũng không mặn mà với việc vay vốn ngân hàng do việc kinh doanh khó khăn, hàng hóa tiêu thụ chậm, hàng tồn kho tăng cao, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng phá sản, hoặc phải thu hẹp quy mô. Trong khi đó hệ thống ngân hàng được coi là huyết mạch của nền kinh tế. Sự bất ổn về tài chính ngân hàng sẽ gây ra những bất ổn trong đời sống xã hội. Trước tình hình đó, NHNN đã đưa ra vấn đề trọng tâm của ngành ngân hàng là việc tái cơ cấu lại hệ thống tín dụng, trong đó có việc bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền tại các tổ chức tín dụng trong quá trình tái cơ cấu đang được dư luận quan tâm.

Mục tiêu của quá trình tái cơ cấu hệ thống các TCTD là cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện các mặt tài chính, hoạt động, quản lý điều hành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng quản trị rủi ro cho các TCTD, từ đó phát triển an toàn, hiệu quả và vững chắc, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Ở nước ta, sự đổ vỡ của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân trên phạm vi toàn quốc trong những năm 90 của thế kỷ trước đã để lại cho chúng ta nhiều bài học sâu sắc và hậu quả lâu dài mà trước hết là lòng tin của khách hàng vào hệ thống ngân hàng. Có lẽ không ở nơi đâu trên thế giới mà người dân quen sử dụng tiền tệ dưới hình thức là một phương tiện cất trữ như ở Việt Nam.

Muốn huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong các tầng lớp dân cư và chấn hưng kinh tế đất nước phải tái lập niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng. Bởi vậy, vấn đề an toàn hoạt động ngân hàng luôn phải được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong các hoạt động từ cả trên góc độ kinh doanh lẫn góc độ quản lý Nhà nước và bằng nhiều biện pháp khác nhau vì mục tiêu an toàn hệ thống ngân hàng cũng như là an toàn của nền kinh tế

Tuy nhiên, khung pháp lý về việc bảo vệ người tiêu dùng nói chung và người gửi tiền nói riêng vẫn chưa được quan tâm xây dựng, hoàn thiện đúng mức. Hiện tại văn bản pháp lý cao nhất về bảo vệ người tiêu dùng là Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010. Tuy nhiên văn bản pháp lý này chỉ điều chỉnh các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người tiêu dùng là người mua, sử dụng hàng hóa dịch vụ cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt của cá nhân, gia đình và tổ chức mà không đề cập đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính nói chung và người gửi tiền nói riêng. Cho đến nay chưa có một văn bản pháp lý nào quy định một cách có hệ thống và cụ thể việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng dịch vụ tài chính và người gửi tiền. Các quy định này đều nằm rải rác và không thống nhất tại các văn bản pháp lý về các chuyên ngành cụ thể như: Luật chứng khoán, Luật các TCTD, các văn bản liên quan đến hoạt động BHTG.

Như vậy, hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực dịch vụ tài chính của nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Để người tiêu dùng trong khu vực này được bảo đảm triệt để, luật pháp cần có sự điều chỉnh cho phù hợp theo đó đảm bảo yêu cầu phù hợp với lý luận về bảo vệ người tiêu dùng, phù hợp với thực tiễn khách quan của thị trường tài chính, đảm bảo cân bằng lợi ích giữa người tiêu dùng và các tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính. Đặc biệt đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận pháp luật điều

chính từng đối tượng người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính như Luật chứng khoán, Luật bảo vệ người tiêu dùng, Luật BHTG, Luật TCTD....Những quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh việc bảo vệ người gửi tiền tại Việt Nam cần được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả quy định của pháp luật điều chỉnh việc bảo vệ người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính. Các quy định của pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng cần có sự thống nhất trong một tổng thể và cần xây dựng để tránh chồng chéo hoặc bỏ trống để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng sử dụng dịch vụ tài chính nói chung và người gửi tiền nói riêng.

Hiện nay đã có một số nghiên cứu về vấn đề bảo vệ người gửi tiền nhưng chủ yếu tập trung vào vai trò của tổ chức BHTG dưới dạng luận án, luận văn, các chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu hoặc các bài báo, tạp chí. Tuy nhiên, chưa có tài liệu chính thức nào về đề tài: *“Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại ngân hàng thương mại theo pháp luật Việt Nam”*. Với mục đích làm rõ và khái quát những vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền lợi người gửi tiền sao cho đạt hiệu quả nhất, trên cơ sở tập trung nghiên cứu những cơ sở lý luận của việc bảo vệ người gửi tiền, luận văn còn đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy chế pháp lý về bảo vệ người gửi tiền trong bối cảnh khủng hoảng ngân hàng như hiện nay, phân tích thực trạng quy chế pháp lý hiện hành, đồng thời nghiên cứu tính khả thi của vấn đề trên trong điều kiện của Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài:

Trên phương diện nghiên cứu và phạm vi luận văn thạc sỹ nói riêng, đến nay vẫn chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này. Dù đã có luận án tiến sĩ luật học về *“Pháp luật về BHTG ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế”* của nghiên cứu sinh Bùi Hữu Toàn và Chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu *“Vai trò của tổ chức bảo hiểm trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền*

và đảm bảo an sinh xã hội” của tập thể tác giả trung tâm thông tin thư viện và nghiên cứu khoa học thuộc văn phòng Quốc hội và Tổ chức BHTG nhưng những công trình này chỉ tập trung làm rõ vai trò của tổ chức BHTG đối với việc bảo vệ người gửi tiền mà chưa đề cập đến vấn đề bảo vệ người gửi tiền một cách cụ thể như sự cần thiết phải bảo vệ người gửi tiền và các biện pháp bảo vệ khác.

Bên cạnh đó có rất nhiều bài viết đăng trên các sách, báo, tạp chí trong nước xung quanh vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền như: Cuốn sách chuyên khảo của PGS.TS Lê Thị Thu Thủy – Pháp luật về BHTG tại Việt Nam – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2008; Bài viết Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ ngân hàng của Luật sư Trương Thanh Đức đăng trên Tạp chí Ngân hàng số 1 tháng 1/2011; Bài viết của GS.TSKH Đào Trí Úc: Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền theo pháp luật của BHTG Việt Nam – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện – Thông tin BHTG số 3 năm 2007...

Các bài viết này đã khảo sát, nghiên cứu về mặt lý luận và đưa ra các giải pháp nhằm bảo vệ người gửi tiền khi NHTM bị phá sản, mà chưa đi sâu về các khía cạnh pháp luật về bảo vệ người gửi tiền trong khi NHTM đang hoạt động bình thường. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên sẽ là nguồn tài liệu tham khảo quý báu và là cơ sở lý luận giúp cho việc tiếp cận vấn đề hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM ở Việt Nam hiện nay.

Hơn nữa, hiện nay trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng đang gặp nhiều khó khăn thách thức, thì vấn đề bảo vệ người gửi tiền lại đang là đề tài được dư luận quan tâm, nhất là khi NHNN đưa ra các chính sách tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Vì vậy, tác giả mạnh dạn chọn đề tài “*Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM theo pháp luật Việt Nam*” để làm đề tài luận văn thạc sỹ muốn góp phần làm sáng tỏ bức tranh về

nền tài chính ngân hàng hiện nay cũng như quá trình thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

3. Mục đích, nhiệm vụ của luận văn:

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ bản chất và sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM ở Việt Nam.

Phục vụ cho mục đích trên luận văn có nhiệm vụ:

Thứ nhất, Nghiên cứu vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM ở Việt Nam.

Thứ hai, Nghiên cứu thực trạng việc áp dụng pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM ở Việt Nam, từ đó nêu ra các bất cập và một số kiến nghị nhằm bổ sung và hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

4. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quy định hiện hành về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ở Việt Nam. Trên cơ sở đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành với thực tiễn luận văn phân tích, đánh giá làm rõ ưu điểm và hạn chế của các quy định trong thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Từ đó mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị cho việc tiếp tục xây dựng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong thời gian tới.

Phạm vi nghiên cứu: Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM có thể được tiếp cận, phân tích ở nhiều góc độ khác nhau, tuy nhiên trong phạm vi của luận văn không thể phân tích hết các vấn đề đó, xuất phát từ mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn chỉ tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về bảo vệ người gửi tiền như khái niệm, đặc điểm người gửi tiền, sự cần thiết phải bảo vệ người gửi tiền và đưa ra các biện pháp bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đó là các biện pháp bảo đảm từ phía cơ quan nhà nước

(BHTG, Ngân hàng nhà nước), các biện pháp bảo đảm từ phía các NHTM và các biện pháp từ chính người gửi tiền. Đánh giá thực trạng áp dụng các quy định đó dựa trên cơ sở khoa học thực tiễn vận hành những nguyên nhân, hạn chế còn tồn tại khi trong pháp luật và trong quá trình thực thi pháp luật về bảo vệ người gửi tiền. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM ở Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình tiếp cận và giải quyết những vấn đề mà luận văn đặt ra, tác giả đã sử dụng phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin, dựa trên đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về chính sách kinh tế - xã hội và các nội dung khác có liên quan. Trong những trường hợp cụ thể, tác giả kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp như thống kê, so sánh, tổng hợp, phân tích... nhằm kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức lý luận và thực tiễn để góp phần làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

6. Kết cấu của luận văn:

Ngoài Lời mở đầu, Kết luận, Mục lục, Phụ lục, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được thiết kế gồm ba chương như sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại Ngân hàng thương mại

Chương 2. Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại Ngân hàng thương mại ở Việt Nam

Chương 3. Kiến nghị nhằm hoàn thiện và thực thi hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái niệm và đặc điểm của người gửi tiền

1.1.1. Khái niệm người gửi tiền

Người gửi tiền là đối tượng quan trọng mà mỗi NHTM đều phải quan tâm, bởi lẽ không có người gửi tiền thì các NHTM không đủ vốn để tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình. Vì vậy, để đảm bảo khả năng phát triển của mình, các ngân hàng phải luôn quan tâm đến nhu cầu, sở thích của người gửi tiền để thu hút số tiền gửi của đối tượng này. Trong giai đoạn hiện nay khi người gửi tiền đứng trước rất nhiều sự lựa chọn để đảm bảo số tiền của mình và khi đã gửi cho một TCTD nói chung và NHTM nói riêng họ đều mong muốn số tiền đó phải được an toàn và sinh lời cao nhất thì sự cạnh tranh của các NHTM lại trở lên sôi động và đa dạng hơn bao giờ hết. Để hiểu về pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trước hết phải làm rõ khái niệm người gửi tiền. Tuy nhiên, quan niệm như thế nào về người gửi tiền hiện nay, pháp luật Việt Nam vẫn chưa có một văn bản chính thức nào đưa ra khái niệm này. Do đó để đưa ra khái niệm người gửi tiền tác giả dựa trên các khái niệm có liên quan đến là khái niệm tiền gửi, khái niệm người tiêu dùng theo những góc độ khác nhau.

Người gửi tiền được hiểu thông thường là người có một khoản tiền gửi vào tài khoản của họ tại NHTM. Tiền gửi có ý nghĩa to lớn đối với người gửi tiền và các NHTM. Đối với người gửi tiền, ý nghĩa tiền gửi phụ thuộc vào mục đích gửi của họ. Có thể dễ dàng nhận ra hai trường hợp mà khách hàng gửi tiền là khi khách hàng hưởng lợi ích từ các công cụ thanh toán mà ngân hàng cung cấp cho họ hoặc là khách hàng gửi tiền vào để hưởng lãi như gửi vào tài khoản tiết kiệm hoặc tài khoản định kỳ. Còn đối với các NHTM thì

tiền gửi có ý nghĩa là một nguồn vốn quan trọng, chủ yếu để thực hiện hoạt động ngân hàng. Do đó, người ta nhận thấy việc khó khăn khi đưa ra khái niệm tiền gửi, nên có nhiều quan điểm khác nhau:

Theo Từ điển kinh tế học hiện đại thì Tiền gửi được hiểu là khoản tiền cho các chế định tài chính nào đó vay với điều kiện cho phép rút trước hoặc không hay hoàn trả sau một thời gian nhất định. Điều đó có nghĩa tiền gửi có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động của NHTM do các NHTM huy động để cho vay lại.

Trong phần 3 Luật BHTG của Mỹ quy định: tiền gửi được hiểu là số dư tiền hoặc giá trị tương đương chưa được thanh toán đã được nhận hoặc giữ tại một ngân hàng hoặc hiệp hội tiết kiệm trong hoạt động kinh doanh thông thường và từ đó nó cấp hoặc có nghĩa vụ cấp tín dụng, dù là có điều kiện hay không điều kiện, cho một tài khoản thương mại, séc, tiết kiệm, không kỳ hạn hoặc được chứng minh bằng giấy chứng nhận tiền gửi, chứng nhận tiết kiệm, chứng nhận đầu tư, chứng nhận nợ, hoặc những tên tương tự hoặc séc, hay hối phiếu rút ra từ tài khoản tiền gửi và được chứng nhận bởi ngân hàng hoặc hiệp hội tiết kiệm, hoặc thư tín dụng hoặc séc du lịch mà ngân hàng hay hiệp hội tiết kiệm có nghĩa vụ đầu tiên.

Luật TCTD năm 2010 không sử dụng khái niệm tiền gửi mà sử dụng khái niệm “*hoạt động nhận tiền gửi*”. Theo khoản 13, Điều 4, Luật các TCTD năm 2010 quy định: “nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận”.

Khái niệm về tiền gửi theo quy định trên có mối liên quan mật thiết với tài khoản của khách hàng tại NHTM. Người gửi tiền có thể lựa chọn các loại tiền gửi theo mục đích của họ và được hưởng các dịch vụ do ngân hàng cung

cấp, được hưởng lãi suất. Đồng thời có nghĩa vụ để ngân hàng sử dụng các số tiền đó cho hoạt động kinh doanh của mình với cam kết thực hiện việc hoàn trả vào ngày đáo hạn (đối với tài khoản có kỳ hạn) hoặc theo yêu cầu của khách hàng (đối với tài khoản không kỳ hạn).

Từ những cách tiếp cận trên có thể rút ra định nghĩa khái niệm tiền gửi như sau: Tiền gửi là khoản tiền của khách hàng gửi tại TCTD dưới những hình thức theo quy định của pháp luật phù hợp với mục đích và yêu cầu của khách hàng và của chính TCTD đó.

Dưới góc độ liên quan đến khái niệm người tiêu dùng, có quan điểm cho rằng người gửi tiền là người tiêu dùng trong lĩnh vực ngân hàng [9]. Thông thường, người tiêu dùng được hiểu là người mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của các cơ sở sản xuất, cung cấp dịch vụ, cửa hàng cho nhu cầu, mục đích của mình. Có nhiều khái niệm về người tiêu dùng. Hiện nay, có hai cách hiểu khác nhau về người tiêu dùng:

Theo nghĩa hẹp, người tiêu dùng là các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức mua hoặc sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích sinh hoạt, tiêu dùng của mình. Như vậy, người tiêu dùng bao gồm cả người mua hàng hóa (mua lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, quần áo, thiết bị máy móc, đồ dùng sinh hoạt, phương tiện đi lại...) và người sử dụng dịch vụ (dịch vụ bảo hiểm, vận tải, vui chơi, giải trí, khám chữa bệnh, sửa chữa, lắp đặt thiết bị...).

Theo nghĩa rộng, người tiêu dùng ngoài mục đích mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thì còn có thể phục vụ cho mục đích tái sản xuất kinh doanh (mua sản phẩm này để chế biến, sản xuất thành sản phẩm khác, ví dụ như mua vải để may thành quần, áo và mang đi bán).

Trên thế giới, pháp luật mỗi quốc gia có tiêu chí xác định và định nghĩa khác nhau về người tiêu dùng, chủ yếu dựa vào tư cách chủ thể và mục đích sử dụng để quy định thể nào là người tiêu dùng:

Người tiêu dùng là cá nhân mua và sử dụng hàng hóa hoặc dịch vụ, cách quy định này thể hiện rõ Luật bảo vệ người tiêu dùng chỉ bảo vệ đối với người nhận hàng hóa, dịch vụ để sử dụng cho mục đích cá nhân, sử dụng trong hộ gia đình, mà không vì mục đích thương mại hoặc sử dụng vào quá trình sản xuất vì pháp nhân có những vị thế và điều kiện tốt hơn so với cá nhân trong quan hệ với nhà cung cấp nên Luật bảo vệ người tiêu dùng không cần thiết phải can thiệp vào quan hệ tiêu dùng của họ.

Người tiêu dùng bao gồm cả cá nhân và tổ chức mua và sử dụng hàng hóa vì mục đích tiêu dùng hoặc mục đích thương mại, quy định này mở rộng về đối tượng được bảo vệ theo luật bảo vệ người tiêu dùng. Quy định này đã khắc phục được hạn chế của cách quy định trên vì không phải lúc nào pháp nhân cũng là người đủ khả năng để đối mặt được với các vi phạm từ phía nhà sản xuất kinh doanh và hậu quả là nếu luật bảo vệ người tiêu dùng không bảo vệ họ như đối với các cá nhân tiêu dùng khác thì quyền lợi của một nhóm đối tượng khá lớn trong xã hội bị xâm phạm, gây thiệt hại chung cho toàn xã hội.

Ở nước ta, theo Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 thì *Người tiêu dùng* được hiểu là người mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức.

Như vậy, người gửi tiền tại NHTM là người cho ngân hàng vay tiền có phải là người tiêu dùng? Hành vi gửi tiền tại ngân hàng, về bản chất pháp lý đồng thời chứa đựng những đặc điểm của hai loại hợp đồng theo quy định của pháp luật, đó là: Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại các điều, từ Điều 471 đến Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, trong đó người gửi tiền là bên cho vay và ngân hàng là bên đi vay tài sản và Hợp đồng gửi giữ tài sản theo quy định tại các điều, từ Điều 559 đến Điều 566 của Bộ luật Dân sự, trong đó người gửi tiền là bên gửi và ngân hàng là bên giữ tài sản.

Nếu theo loại hợp đồng vay tài sản, thì ngân hàng là người đi vay tiền, khách hàng là người cho vay tiền. Theo đó, về nguyên tắc chung, ngân hàng phải trả lãi cho khách hàng. Nếu theo loại hợp đồng gửi giữ tài sản, thì khách hàng là bên gửi tiền, còn ngân hàng là bên giữ tiền. Theo đó, về nguyên tắc chung, khách hàng “phải trả tiền công” cho ngân hàng vì đã giữ gìn an toàn tài sản theo yêu cầu của mình. Tuy nhiên, việc bên nào phải trả tiền cho bên nào chỉ là tương đối, vì Bộ luật Dân sự cũng có quy định, bên vay tiền có thể không phải trả lãi (Điều 471) và bên gửi tiền cũng có thể không phải trả tiền công (Điều 566).

Quy định của Luật các TCTD 2010 không xác định rõ quan hệ gửi tiền là thuộc loại Hợp đồng gửi giữ hay Hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, mà chỉ khẳng định đó là “tiền gửi” của khách hàng và việc “nhận tiền gửi” của các ngân hàng.

Theo tác giả, hoạt động nhận tiền gửi của ngân hàng là một loại hợp đồng dân sự đặc biệt, đồng thời có cả đặc điểm của hợp đồng gửi giữ và hợp đồng vay tài sản. Với tư cách là người giữ tài sản, ngân hàng được hưởng “tiền công” từ việc sử dụng tiền vốn của người gửi tiền. Đồng thời, với tư cách là người vay tài sản, ngân hàng phải trả lãi cho người gửi tiền. Nếu chỉ xác định việc gửi tiền theo một quan hệ hợp đồng là không đầy đủ.

Với đặc điểm như trên, cần phải đặt người gửi tiền vào vị trí của người sử dụng dịch vụ ngân hàng, hay người “mua hàng”, chứ không phải là người “bán hàng” trong quan hệ với ngân hàng.

Như vậy, còn thiếu một quy định rõ ràng trong Bộ luật dân sự cũng như trong Luật Các TCTD để bảo đảm cơ sở pháp lý cho quan hệ pháp luật gửi và nhận tiền gửi. Luật Các TCTD chỉ mới nhắc đến quyền nhận tiền gửi của các TCTD. Còn nội dung quan hệ gửi tiền hiện nay chưa có văn bản cụ thể nào.

Điều này là chưa bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền, với tư cách là người tiêu dùng.

Từ sự phân tích trên, tác giả mạnh dạn đưa ra khái niệm người gửi tiền như sau: *Người gửi tiền là khách hàng có một khoản tiền gửi tại TCTD dưới một hình thức nhất định theo quy định của pháp luật phù hợp với mục đích, yêu cầu của khách hàng và TCTD.*

1.1.2. Đặc điểm của người gửi tiền

Thứ nhất, người gửi tiền có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

Thông thường khi thực hiện gửi tiền tại NHTM các chủ thể là cá nhân hoặc tổ chức có thể gửi tiền nhằm mục đích tiết kiệm hoặc thanh toán. Nếu nhằm mục đích tiết kiệm thì hiện nay NHTM đang áp dụng Quy chế về Tiền gửi tiết kiệm, ban hành kèm theo Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN ngày 13-9-2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Nếu nhằm mục đích thanh toán thì được thực hiện theo Quy chế Mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước và TCTD, ban hành kèm theo Quyết định số 1284/2002/QĐ-NHNN2 ngày 21-11-2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Cả hai quy chế này đều quy định: Cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ Luật dân sự được thực hiện mọi giao dịch, còn người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật thì chỉ được thực hiện các giao dịch thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật. Như vậy mọi cá nhân đều có quyền gửi tiền dưới hình thức tiết kiệm hoặc thanh toán vào NHTM. Còn người gửi tiền là tổ chức thường là các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật VN hoặc tổ chức nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước mà tổ chức đó được thành lập và có nhu cầu gửi tiền tại NHTM.

Thứ hai, mục đích của người gửi tiền tại NHTM rất khác nhau và phụ thuộc vào đặc điểm của từng loại tiền gửi mà họ sử dụng.

Theo quy định hiện nay, NHTM được thực hiện huy động vốn dưới hình thức tiền gửi bao gồm: Tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm.

Tiền gửi không kỳ hạn: Loại tiền gửi này của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân gửi và ngân hàng với mục đích chính để thực hiện các khoản chi trả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Với nội dung chi trả như vậy và việc sử dụng séc để thanh toán nên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn còn được gọi là tài khoản tiền gửi thanh toán hay tài khoản séc. Đặc điểm của tiền gửi không kỳ hạn là người gửi tiền có thể gửi và rút tiền ra bất kỳ lúc nào trong phạm vi số dư tài khoản. Với tính chất linh hoạt của số dư và người gửi tiền được hưởng các tiện ích thanh toán, nên tiền gửi thanh toán thường không được ngân hàng trả lãi, hoặc được trả lãi nhưng với mức lãi suất thấp. Tiền gửi không kỳ hạn được phản ánh trên tài khoản có tên gọi “tài khoản tiền gửi không kỳ hạn” hay còn gọi là tài khoản thanh toán. Tính chất của tài khoản thanh toán là luôn luôn dư Có. Tuy nhiên, nếu giữa ngân hàng và người gửi tiền thỏa thuận với nhau sử dụng hình thức thấu chi tài khoản thì tài khoản này có thể dư Có và cũng có thể dư Nợ (nên còn được gọi là tài khoản vãng lai). Ngân hàng không khống chế số dư Có nhưng khống chế số dư Nợ theo một hạn mức đã thỏa thuận giữa ngân hàng và người gửi tiền. Ví dụ: Hạn mức thấu chi là 100 triệu đồng thì dư Nợ cao nhất của tài khoản thanh toán cũng là 100 triệu đồng.

Tiền gửi có kỳ hạn: Loại tiền gửi này của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân gửi vào NHTM với mục đích để hưởng lãi. Đặc điểm của tiền gửi có kỳ hạn là người gửi tiền chỉ được lĩnh tiền sau một thời hạn nhất định từ một vài tháng đến một vài năm. Tuy nhiên, do những lý do khác nhau,

người gửi tiền có thể rút tiền trước hạn, trường hợp này người gửi tiền không được hưởng lãi, hoặc được hưởng theo lãi suất thấp, tùy theo quy định của mỗi ngân hàng. Tiền gửi có kỳ hạn được phản ánh trên tài khoản có tên gọi “tiền gửi có kỳ hạn”.

Tiền gửi tiết kiệm là khoản tiền của cá nhân được gửi vào tài khoản tiền gửi tiết kiệm, được xác nhận trên thẻ tiết kiệm, được hưởng lãi theo quy định của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm và được bảo hiểm theo quy định của pháp luật về BHTG. Mục đích của người gửi tiết kiệm là để hưởng lãi và để tích lũy, do vậy tài khoản tiền gửi tiết kiệm không được dùng để phát hành séc hay thực hiện các khoản thanh toán khác ngoại trừ người gửi tiền đề nghị trích tài khoản tiền gửi tiết kiệm để trả nợ vay hay chuyển sang một tài khoản khác của chính chủ tài khoản. Xét về tính chất kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm được chia thành hai loại là tiết kiệm không kỳ hạn và tiết kiệm có kỳ hạn. Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: là tiền gửi tiết kiệm người gửi tiền có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: là tiền gửi tiết kiệm mà người gửi tiền chỉ có thể rút tiền sau một kỳ hạn gửi tiền nhất định theo thỏa thuận với tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm. Trường hợp người gửi tiền rút tiền trước hạn thì phải có sự thỏa thuận với nơi nhận gửi tiền ngay khi gửi và người gửi tiền chỉ được hưởng lãi suất không vượt quá lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn. Nếu người gửi tiền không có sự thỏa thuận trước thì vẫn được lĩnh ra trước hạn nhưng phải chịu một mức phí đối với khoản tiền tiết kiệm rút trước hạn và hưởng lãi suất như trường hợp trên. Xét về mục đích gửi tiền, tiền gửi tiết kiệm được phân thành: Tiết kiệm xây dựng nhà ở, tiết kiệm mua sắm tài sản có giá trị cao, tiết kiệm hưởng lãi và dự thưởng... Tiền gửi tiết kiệm được phản ánh trên các tài khoản “tài khoản tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn”, “tài khoản tiết kiệm có kỳ hạn”, “tài khoản tiết kiệm khác”.

Cá nhân người gửi tiền có đủ điều kiện theo quy chế gửi tiền tiết kiệm đúng tên chủ tài khoản tiền gửi tiết kiệm. Nếu nhiều người cùng sở hữu, số tiền gửi theo đúng pháp luật thì đúng tên đồng chủ tài khoản tiền gửi tiết kiệm.

Thứ ba, mối quan hệ giữa người gửi tiền và NHTM là một hợp đồng dân sự đặc biệt. Theo BLDS thì hợp đồng được hiểu là sự thỏa thuận của giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Khi người gửi tiền gửi một khoản tiền nhất định của mình vào NHTM thì giữa họ và NHTM đã xác lập một hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng này đặc biệt ở chỗ, nó vừa mang đặc điểm của hợp đồng vay tài sản, vừa mang đặc điểm của hợp đồng gửi giữ như phân tích ở phần trên. Mặt khác, hình thức thể hiện hợp đồng mang tính nghiệp vụ của ngân hàng là được thể hiện thông qua tài khoản tiền gửi của chính khách hàng tại NHTM. Tài khoản tiền gửi này phản ánh mối quan hệ kinh tế, pháp lý giữa ngân hàng với người gửi tiền nên giữa ngân hàng với người gửi tiền phải tuân thủ quy chế về mở và sử dụng tài khoản tiền gửi do Thống đốc NHNN ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đồng thời chủ tài khoản phải làm thủ tục mở tài khoản và đăng ký mẫu chữ ký của chủ tài khoản và kế toán trưởng, mẫu con dấu tại các ngân hàng trong trường hợp tổ chức mở tài khoản. Ngân hàng được từ chối thanh toán nếu người gửi tiền vi phạm quy định quản lý tài khoản thanh toán và chế độ chứng từ kế toán ngân hàng.

1.2. Sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Thứ nhất, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền nhằm bảo đảm và thực hiện quyền con người.

Đã từ lâu vấn đề bảo vệ quyền con người ở Việt Nam đã trở thành mục tiêu đạt tới của các chính sách phát triển đất nước. Các quan điểm của Đảng và chính sách phát triển của Nhà nước đều nhằm thực hiện mục tiêu cuối cùng là thực hiện trên thực tế các quyền của con người về dân sự, kinh tế, chính trị,

xã hội và văn hóa. Cụ thể tại Điều 14 Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”, Vì vậy thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền của người gửi tiền góp phần thực hiện quyền con người thực tế. Bởi lẽ các quyền của người gửi tiền như quyền được an toàn, quyền được thông tin, quyền được lựa chọn, quyền được lắng nghe ý kiến, quyền được thỏa mãn nhu cầu hợp pháp... là các biểu hiện cụ thể của quyền con người trên lĩnh vực kinh tế và xã hội. Một quốc gia không được đánh giá là đảm bảo quyền con người về dân sự, kinh tế và xã hội nếu trong giao dịch với ngân hàng, người gửi tiền không được cung cấp thông tin đầy đủ về các dịch vụ tài chính ngân hàng, không được đảm bảo thuận lợi khi khách hàng gửi và rút tiền, ngân hàng không tham gia BHTG để đảm bảo an toàn tiền gửi.

Thứ hai, thực hiện bảo vệ quyền lợi người gửi tiền góp phần duy trì kênh huy động vốn quan trọng và đảm bảo sự hoạt động lành mạnh của các NHTM, góp phần phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Khi thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, đối với các TCTD nói chung và các NHTM nói riêng thì người gửi tiền có một vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ tiền gửi của họ là nguồn vốn để các NHTM hoạt động kinh doanh và ngân hàng sẽ không thể tồn tại và phát triển được nếu không có nguồn vốn quan trọng này. Trên thực tế, nguồn vốn của NHTM có thể được huy động thông qua các kênh khác nhau như huy động qua nghiệp vụ nhận tiền gửi, huy động qua nghiệp vụ đi vay từ các TCTD khác hay vay từ NHNN, huy động vốn qua phát hành các công cụ nợ, hoặc các hình thức khác như làm dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán... nhưng kênh huy động chủ yếu vẫn là qua nghiệp vụ nhận tiền gửi từ khách hàng gửi tiền. Hiện

nay, khách hàng có rất nhiều cơ hội lựa chọn một tổ chức để có thể “chọn mặt gửi vàng” như ngân hàng nhưng cũng có thể họ chọn tổ chức bảo hiểm, chọn Quỹ TDND, hay chọn bưu điện... Vậy để thu hút được khách hàng của mình, bên cạnh những chiêu bài về lãi suất, về ưu đãi các chương trình khuyến mãi thì một vấn đề quan trọng là mỗi tổ chức đó đều phải thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ quyền lợi cho người gửi tiền. Có như vậy ngân hàng mới tạo được lòng tin của khách hàng và mới thu hút được nguồn vốn của họ. Như thế trong nền kinh tế các ngân hàng kinh doanh đứng đắn, lành mạnh sẽ có điều kiện phát triển. Đó chính là điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

Trong quá trình hoạt động các ngân hàng không chỉ sử dụng nguồn vốn tự có để cấp vốn cho nền kinh tế mà phải kết hợp giữa nguồn vốn tự có và nguồn vốn huy động từ các tổ chức và cá nhân trong xã hội, trong đó nguồn vốn này được coi là một kênh huy động vốn tương đối ổn định của các NHTM.

Nghiên cứu cho thấy rằng, phần lớn những người có tiền gửi tại ngân hàng là những người có thu nhập thấp và bản thân họ không thể tiến hành đầu tư dưới những hình thức khác để sinh lợi từ khoản tiền mà họ tiết kiệm được. Do vậy đối với những người gửi tiền luôn xuất hiện tâm lý lo lắng về sự trượt giá của đồng tiền, sau một thời gian gửi tiền vào ngân hàng mặc dù có sự hưởng lãi nhưng giá trị của đồng tiền rất có thể tụt giảm, thậm chí mất trắng nếu như có sự đổ vỡ ngân hàng xảy ra. Nhu cầu bảo vệ người gửi tiền được đặt ra như một đòi hỏi không thể thiếu trong hoạt động ngân hàng và nhu cầu đó càng trở lên cấp thiết khi chúng ta nhận thức được rằng, bảo vệ người gửi tiền sẽ góp phần củng cố niềm tin của người gửi tiền đối với các ngân hàng, tăng cường uy tín của các ngân hàng và như vậy vô hình chung đã bảo vệ được các ngân hàng và bảo vệ được hệ thống tài chính trong nền kinh tế quốc dân.

1.3. Các quyền lợi của người gửi tiền

Theo từ điển Tiếng Việt thì quyền lợi được hiểu là lợi ích được hưởng, mà người khác không được xâm phạm đến. Như vậy, trong quá trình thực hiện giao dịch gửi tiền vào NHTM, thì người gửi tiền luôn có những lợi ích nhất định mà họ được hưởng và ngân hàng không được phép xâm hại. Bởi lẽ, khách hàng đã trao cho ngân hàng quyền sở hữu số tiền đó theo ý chí của ngân hàng đó là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Hay nói cách khác, người gửi tiền chính là người duy trì sự tồn tại và phát triển của NHTM, nếu không có lượng tiền gửi này thì NHTM cũng không thể đủ vốn để thực hiện các hoạt động ngân hàng khác. Do đó trong lĩnh vực tiêu dùng nói chung hay trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng một khẩu hiệu (slogan) mà toàn thế giới biết đến là “Khách hàng là thượng đế” (Consumer is God) luôn luôn tồn tại. Tuy nhiên, quyền lợi của người gửi tiền chỉ có thể đạt được hiệu suất tối đa nếu người gửi tiền hiểu và sử dụng hiệu quả vị thế “thượng đế” của mình. Bên cạnh đó quyền lợi của khách hàng chỉ được đảm bảo khi ngân hàng thực hiện đúng các theo yêu cầu thanh toán của mình trong thời gian đó khi họ gửi tiền nhằm mục đích thanh toán hoặc được đảm bảo số vốn an toàn và có lãi khi mục đích của họ là gửi tiết kiệm hoặc có kỳ hạn.

Vậy có thể hiểu *quyền lợi của người gửi tiền là quyền được hưởng những lợi ích mà NHTM phải đảm bảo để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng phát sinh từ giao dịch gửi tiền.*

Dưới góc độ lý luận, người gửi tiền được coi là người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nên người gửi tiền cũng có những quyền cơ bản của một người tiêu dùng.

Theo Nghị quyết số 39/248 ngày 09/4/1985 của Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua “Bản hướng dẫn bảo vệ Người tiêu dùng”, thì người tiêu dùng có tám quyền sau: *Quyền được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản; quyền được*

an toàn; quyền được cung cấp thông tin; quyền được lựa chọn; quyền được đại diện; quyền được khiếu nại và bồi thường thiệt hại; quyền được giáo dục về tiêu dùng; quyền được sống trong môi trường trong lành.

Tám quyền trên là các quyền cơ bản nhất của người tiêu dùng , trong mỗi lĩnh vực tiêu dùng hàng hóa , dịch vụ khác nhau , quyền của người tiêu dùng có thể có những điểm khác biệt . Tuy vậy , điểm khác biệt chỉ là quyền nào thể hiện sâu sắc hơn còn quyền đó vẫn thuộc một trong tám quyền nêu trên. Lĩnh vực ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh đặc biệt, người gửi tiền – người tiêu dùng đặc biệt có những quyền chủ yếu như:

Một là, quyền được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản: Khi gửi tiền vào ngân hàng, khách hàng phải có mục đích nhất định có thể là mục đích an toàn và sinh lời, có thể là mục đích thanh toán, mục đích chuyển khoản... và tất cả mục đích đó phải được NHTM đảm bảo để thỏa mãn quyền của người gửi tiền.

Hai là, quyền được an toàn: là quyền được bảo đảm số tiền đó an toàn, tránh sự mất mát, rủi ro. Đến thời hạn rút tiền, NHTM phải đảm bảo cho khách hàng nhận số tiền gốc và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tiền gửi.

Ba là, quyền được cung cấp thông tin: người gửi tiền được quyền có các số liệu cần thiết để trên cơ sở đó lựa chọn việc thực hiện giao dịch của mình.

Bốn là, quyền được lựa chọn: người tiêu dùng được tự do lựa chọn sản phẩm phù hợp với yêu cầu của mình.

Năm là, quyền được đại diện: người gửi tiền được đưa ra các ý kiến với đại diện của mình trong việc hoạch định các chính sách của Chính phủ trong phát triển chính sách tiền tệ.

Sáu là, quyền được khiếu nại và bồi thường thiệt hại: người gửi tiền được quyền khiếu nại với NHTM đã gây ra thiệt hại cho mình.

Bảy là, quyền được giáo dục về tiêu dùng Người gửi tiền có quyền được giáo dục về lựa chọn và sử dụng dịch vụ gửi tiền cho phù hợp với mục đích của bản thân; giáo dục về quyền và nghĩa vụ của mình trong quan hệ gửi tiền...

Vì vậy, khi đưa ra các quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, Nhà nước phải dựa trên nguyên tắc chung đồng thời kết hợp với nguyên tắc mang tính chuyên ngành. Do đó để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, Nhà nước phải quy định cụ thể trách nhiệm của NHTM đối với khách hàng và được thể hiện trong Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 bao gồm:

Một là, NHTM phải tham gia tổ chức bảo toàn, BHTG theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, BHTG tại trụ sở chính và chi nhánh.

Hai là, tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi.

Ba là, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Bốn là, thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.

Năm là, công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, ngân hàng thương mại phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. Ngân hàng thương mại không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng.

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền

Có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền. Dưới đây tác giả tổng hợp một số nhân tố cơ bản nhất dẫn đến tình trạng này. Có thể chia những nhân tố đó thành nhóm nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan.

Nhân tố khách quan

Thứ nhất, hành lang pháp lý

Hành lang pháp lý là vấn đề hết sức quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Khi các NHTM trong hệ thống tài chính thực hiện các nghiệp vụ nhận tiền gửi cho vay và cung cấp các dịch vụ tài chính khác cho khách hàng, họ phải tiến hành những công việc đó trong một khung pháp lý chặt chẽ được xây dựng chủ yếu để bảo vệ lợi ích của khách hàng. Bởi vì ngân hàng là nơi tích trữ tiết kiệm hàng đầu của công chúng, đặc biệt là tiết kiệm của cá nhân và hộ gia đình. Vấn đề pháp luật, chính sách của Nhà nước trong kinh doanh ngân hàng luôn phải được phân tích kỹ lưỡng vì bản chất của NHTM là trung gian tài chính và hoạt động của nó có ảnh hưởng đến nền kinh tế và hệ thống tài chính quốc gia. Do đó so với các ngành kinh doanh khác, Nhà nước có sự kiểm soát chặt chẽ hơn về phương diện pháp luật và chính sách trên nhiều lĩnh vực khác nhau như cạnh tranh, phá sản, cơ cấu tổ chức ngân hàng...Có những bộ luật tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng như: Luật TCTD, Luật Ngân hàng Nhà nước...Những luật này quy định tỉ lệ huy động vốn của ngân hàng so với vốn tự có, quy định việc phát hành trái phiếu, kỳ phiếu quy định mức cho vay của NHTM đối với một khách hàng...Mặt khác, các chính sách tài chính, tiền tệ, chính sách lãi suất, tỉ giá, thuế, quản lí nợ và các cơ quan quản lí hữu quan như NHNN, Bộ tài chính...cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động huy động vốn của NHTM. Ngoài ra có những bộ luật tác động gián tiếp đến hoạt động ngân hàng như: Luật thương mại, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài...

Nếu các luật này hoàn thiện đồng bộ, không chồng chéo mâu thuẫn hoặc các NHTM không được nhận tiền gửi hoặc cho vay bằng cách tăng hay giảm lãi suất mà phải dựa vào lãi suất do NHNN đưa ra và chỉ được xê dịch trong biên độ nhất định mà NHNN cho phép.

Thứ hai, tình hình kinh tế chính trị xã hội trong và ngoài nước

Tình hình kinh tế xã hội ổn định hay không ổn định có tác động rất lớn đến nền kinh tế, không chỉ tới hoạt động của ngân hàng mà còn tác động mạnh mẽ tới khách hàng của ngân hàng. Nền kinh tế vào thời kì tăng trưởng, sản xuất phát triển sẽ tạo điều kiện tích lũy nhiều hơn nên khách hàng có thể gửi tiền nhiều hơn và ngược lại. Đồng thời với sự không ổn định của nền kinh tế làm cho tâm lý của người có tiền nhàn rỗi không muốn nắm giữ tiền mà họ chuyển sang nắm giữ tài sản hoặc kinh doanh, thực hiện một công việc khác hơn là gửi tiền tại ngân hàng. Tình hình chính trị của một quốc gia có ảnh hưởng lớn tới mọi lĩnh vực của đất nước trong đó có cả hoạt động gửi tiền của khách hàng. Khi chính trị của một quốc gia ổn định thì người dân mới có sự tin tưởng vào hệ thống tài chính, và khi đó họ mới gửi khoản tiền nhàn rỗi của mình vào ngân hàng. Thực tế cho thấy vào thời kì mà chính trị không ổn định, khủng hoảng hay chiến tranh thì lúc đó lượng vốn huy động được là thấp hơn rất nhiều so với thời kì ổn định. Ngân hàng là tổ chức kinh doanh đặc biệt trên lĩnh vực tiền tệ, nó hoạt động trên cơ sở lòng tin giữa ngân hàng và khách hàng. Do đó những yếu tố nào tác động đến lòng tin của khách hàng với ngân hàng sẽ gây cho ngân hàng những tổn thất ở hiện tại và trong tương lai. Và khi ngân hàng hoạt động không hiệu quả sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người gửi tiền.

Thứ ba, chính sách tiền tệ của quốc gia

Mục tiêu của chính sách tiền tệ bao gồm: kiểm soát lạm phát, bình ổn giá cả, ổn định sức mua của đồng tiền, tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm. Tùy thuộc vào mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ mà sự

ảnh hưởng của nó đến nghiệp vụ tạo vốn của NHTM khác nhau qua đó ảnh hưởng đến nhu cầu và khả năng của người gửi tiền. Thời kì nền kinh tế lạm phát tăng để giảm bớt khối lượng tiền lưu hành thì Nhà nước có chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất tiền gửi để thu hút tiền từ lưu thông về nên ngân hàng khuyến khích người gửi tiền bằng nhiều hình thức khác nhau. Hoặc khi nhà nước có chính sách khuyến khích đầu tư, mở rộng sản xuất người có tiền nhàn rỗi sẽ bỏ tiền đầu tư sản xuất hay góp vốn vào các công ty có khả năng sinh lời lớn hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, tâm lí thói quen tiêu dùng của người gửi tiền.

Tâm lí thói quen tiêu dùng của người gửi tiền là rất khác nhau giữa các vùng, các địa phương, các quốc gia. Chẳng hạn trong thanh toán chi trả, ở những nước phát triển nhu cầu giao dịch thanh toán qua ngân hàng rất phát triển. Hầu hết các người dân có thu nhập đều mở tài khoản séc để thanh toán qua ngân hàng. Tuy nhiên những nước kém phát triển, thu nhập của người dân thấp, dân cư ưa dùng tiền mặt, nhu cầu giao dịch thanh toán qua ngân hàng còn rất hạn chế nên ít người mở tài khoản tại ngân hàng.

Thứ hai, hoạt động của NHTM

Ngân hàng là các chủ thể trực tiếp có trách nhiệm đối với các tiền gửi của khách hàng. Một khi các ngân hàng hoạt động không hiệu quả, buông lỏng kỷ cương, kỷ luật trong kiểm soát rủi ro thì dẫn đến hậu quả dây chuyền và người chịu thiệt thòi nhiều nhất là khách hàng có khoản tiền gửi tại ngân hàng.

1.5. Các biện pháp bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Không khó để nhận thấy hoạt động NHTM luôn ẩn chứa nhiều rủi ro. Vì ngân hàng vừa đóng vai trò là người đi vay và người cho vay nên ngân hàng chịu sự chi phối của nhiều yếu tố về môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, cơ chế chính sách vĩ mô và vi mô. Những yếu tố này luôn luôn biến động

và chịu sự tác động của nền kinh tế thế giới. Nền kinh tế quốc gia càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới thì mức độ ảnh hưởng càng cao và rủi ro ngân hàng theo đó cũng tăng theo. Hoạt động của các ngân hàng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và mang tính dây chuyền. Do vậy, mục tiêu đảm bảo hệ thống các TCTD đã được nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam lựa chọn. Thực tiễn hoạt động kinh doanh ngân hàng cho thấy, trong chừng mực nhất định do hạn chế về chuyên môn, khả năng phân tích tài chính hoặc do chạy theo lợi nhuận mà ngân hàng có những quyết định kinh doanh mạo hiểm và như vậy hoạt động này nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiền gửi của khách hàng. Do vậy, để kiểm soát đối với hoạt động sử dụng tiền gửi của khách hàng, tăng cường nghĩa vụ của ngân hàng trong sử dụng vốn, các quốc gia đều thiết lập những quy định bắt buộc các ngân hàng phải thực hiện nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

1.5.1. Bảo đảm thông qua việc hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Để quyền của người gửi tiền được đảm bảo và để pháp luật đi vào đời sống thì trước hết cần phải có một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề này hoàn thiện. Khi đánh giá về tính hoàn thiện của văn bản quy phạm pháp luật phải dựa trên bốn tiêu chí đó là tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp và trình độ kỹ thuật pháp lý.

Để đảm bảo thực hiện tốt các quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền thì hệ thống các văn bản bảo vệ quyền lợi người gửi tiền phải có đủ các chế định pháp luật, quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực nhận tiền gửi giữa người gửi tiền và ngân hàng. Theo đó bất kỳ một quan hệ xã hội nào phát sinh trong lĩnh vực này đều có quy phạm pháp luật điều chỉnh. Thế nhưng bản thân pháp luật dù hoàn thiện đến mấy cũng không thể dự liệu hết được tất cả tình huống xảy ra trên thực tế.

Chính vì vậy thực tiễn đòi hỏi chúng ta phải cố gắng xây dựng được một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ngày càng có ít “khoảng trống” trong pháp luật và được xây dựng trên nền tảng những nguyên tắc nhất định để có thể từ các nguyên tắc cơ bản đó áp dụng trong các trường hợp chưa có quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người gửi tiền chúng ta phải xây dựng được hệ thống các quy phạm pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người gửi tiền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các NHTM khi nhận tiền gửi của khách hàng, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ người gửi tiền, cách thức xử lý khi ngân hàng vi phạm các quy định về bảo vệ người gửi tiền, phương thức giải quyết giữa ngân hàng và người gửi tiền khi có tranh chấp xảy ra....

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn phải đảm bảo tính đồng bộ. Theo đó các văn bản pháp luật không trùng lặp, không chồng chéo và mâu thuẫn. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật này còn phải thể hiện được sự tương quan với trình độ phát triển của các quan hệ kinh tế - xã hội.

Để ngày càng hoàn thiện và đáp ứng được yêu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, các văn bản quy phạm pháp luật này còn phải được xây dựng ở trình độ pháp lý cao với ngôn ngữ cô đọng, chính xác và một nghĩa.

1.5.2. Các thiết chế có chức năng bảo vệ quyền lợi người gửi tiền hoạt động có hiệu quả

Ở Việt Nam các thiết chế có chức năng bảo vệ quyền lợi người gửi tiền bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền như NHNN, tổ chức BHTG và Tòa án nhân dân các cấp... Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người gửi tiền, các thiết chế này phải hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Đánh giá tính hiệu quả dựa theo các tiêu chí: hoạt động theo đúng chức năng thẩm quyền do luật định, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền có hiệu quả trong thực tiễn.

Theo Luật NHNN năm 2010 hiện nay quy định trong số các cơ quan nhà nước bảo vệ quyền lợi người gửi tiền thì NHNN là cơ quan được Chính phủ giao cho việc thống nhất và quản lý về hoạt động tiền tệ trong phạm vi cả nước trong đó có liên quan đến vấn đề bảo vệ người gửi tiền. NHNN có nhiệm vụ xây dựng và ban hành các văn bản về tiền tệ, ngân hàng, tuyên truyền phổ biến và kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật đó, xử lý các vi phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ ngân hàng để đảm bảo việc giao dịch với khách hàng là đúng quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích khi họ gửi tiền. Đồng thời quy định các biện pháp về dân sự, hình sự, hành chính nhằm xử lý các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Ngoài ra, một tổ chức có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là tổ chức BHTG. Đúng như tên gọi của tổ chức này thì BHTG là công cụ quan trọng để bảo vệ người gửi tiền.

Tổ chức BHTG sinh ra để bảo vệ người gửi tiền khi ngân hàng của họ gặp rủi ro. Người gửi tiền chính là người cho các ngân hàng vay tiền. Do đó người gửi tiền tại các ngân hàng rất dễ thiệt hại và hoàn toàn không có khả năng tự bảo vệ mình. Bởi lẽ những thiệt hại của họ không phải đến từ chính bản thân họ mà đến từ rủi ro của ngân hàng khi các chủ thể này kinh doanh bằng chính đồng tiền của họ. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền nhất là những người gửi tiền nhỏ, ít có khả năng tự bảo vệ cần phải có một tổ chức đứng ra BHTG của họ. Chính vì vậy điểm đặc biệt của loại hình này là người được bảo hiểm không phải là người tham gia bảo hiểm và trả phí

BHTG mà là người gửi tiền. Bởi vậy, BHTG là loại hình bắt buộc phải tham gia của các tổ chức huy động tiền gửi của dân cư [47, tr.31].

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong Chương 1, tác giả đã trình bày những vấn đề lí luận cơ bản về pháp luật bảo vệ người gửi tiền tại NHTM. Trong đó làm rõ khái niệm, đặc điểm người gửi tiền và các yếu tố ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền. Đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền, sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, qua đó đưa ra các biện pháp bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Trên cơ sở đó, tác giả nêu ra nội dung của pháp luật bảo vệ người gửi tiền bao gồm các thiết chế bảo vệ hữu hiệu là các cơ quan nhà nước, tổ chức BHTG, NHTM và từ phía người gửi tiền. Những lý luận trên chính là cơ sở giúp chúng ta đi sâu nghiên cứu thực trạng pháp luật về bảo vệ người gửi tiền ở chương tiếp theo của luận văn.

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI GỬI TIỀN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

2.1. Khái niệm, đặc điểm, nội dung pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM.

2.1.1. Khái niệm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Pháp luật là một loại quy phạm xã hội đứng bên cạnh đạo đức, tín điều tôn giáo và phong tục tập quán. Tuy nhiên, so với những quy phạm xã hội khác, pháp luật có nhiều thuộc tính riêng: tính quy phạm phổ biến; tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung và hình thức; tính đảm bảo bằng Nhà nước. Nhờ những thuộc tính riêng biệt này, pháp luật có giá trị thực thi trên thực tế cao hơn so với quy phạm khác. Vai trò của pháp luật là điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cho những quan hệ xã hội phát triển theo ý chí của Nhà nước, của giai cấp thống trị. Mỗi loại quan hệ xã hội thuộc sự điều chỉnh của một lĩnh vực pháp luật riêng. Chúng ta cũng cần lưu ý, sự phân chia các lĩnh vực pháp luật chỉ có tính tương đối.

Mối quan hệ giữa người gửi tiền và NHTM được xây dựng trên nguyên tắc tự do, thỏa thuận và bình đẳng. Tuy nhiên, trong quan hệ này, có thể do thiếu thông tin hoặc hạn chế về pháp luật nên nhiều quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền bị xâm hại nghiêm trọng. Trong điều kiện như vậy, cần phải có những quy phạm pháp luật cụ thể để bảo vệ quyền lợi chính đáng của người gửi tiền.

Pháp luật của các nước trên thế giới hiện nay đều tồn tại hai cách tiếp cận chủ đạo đối với việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Theo cách tiếp cận thứ nhất, các quy phạm pháp luật được xây dựng theo hướng quy định trách nhiệm pháp lý đối với các bên sau khi đã xảy ra vi phạm. Theo đó các bên liên quan phải bồi thường thiệt hại sau khi đã xảy ra

thiệt hại thực sự. Các bên liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do các hành vi sai sót của họ gây ra, nhưng chỉ sau khi bên bị thiệt hại khởi kiện ra tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống quy phạm này bao gồm các quy định về quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng.

Theo cách tiếp cận thứ hai, các quy phạm pháp luật được xây dựng theo hướng điều chỉnh, ngăn chặn trước các hành vi vi phạm. Các quy phạm pháp luật mang tính phòng ngừa, ngăn chặn. Theo đó các bên liên quan phải chịu phạt kể cả trước khi có thiệt hại thực sự do đã vi phạm các nghĩa vụ trong hợp đồng.

Nghiên cứu hai cách tiếp cận trên cho thấy, không có hệ thống quy phạm nào được xây dựng theo một trong hai cách có thể bảo vệ triệt để quyền lợi gửi tiền. Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới thường kết hợp cả hai cách tiếp cận trên trong xây dựng các quy phạm pháp luật bảo vệ người gửi tiền. Điển hình là Pháp, Mỹ, Canada... Pháp luật của Việt Nam cũng cần được hoàn thiện theo hướng này.

Ở Việt Nam, pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền có mối liên quan với nhiều ngành luật khác nhau và nằm trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Trong đó có Bộ luật dân sự, Luật NHNN, Luật các TCTD, Luật BHTG...

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền như sau: *Pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa người gửi tiền và ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.*

2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM mang những đặc điểm cụ thể như sau:

Thứ nhất, pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại NHTM điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giao dịch gửi tiền giữa các bên. Chủ thể tham gia quan hệ này bao gồm một bên là các NHTM đóng vai trò là người đi vay, hoặc là người cung cấp dịch vụ cho khách hàng và một bên là người gửi tiền. Người gửi tiền ở đây rất đa dạng, có thể là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước, có nhu cầu gửi tiền để thực hiện dịch vụ hoặc gửi tiền kiếm lãi.

Thứ hai, pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là một bộ phận của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Người tiêu dùng là người tiêu thụ hàng hóa , dịch vụ và có nghĩa vụ trả tiền. Người tiêu dùng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường . Người gửi tiền là người tiêu dùng dịch vụ của NHTM . Quan hệ giữa tổ chức , cá nhân cung ứng hàng hóa , dịch vụ và người tiêu dùng nói chung , giữa NHTM với người gửi tiền nói riêng được coi là quan hệ bất bình đẳng . NHTM được coi là bên thế mạnh, người gửi tiền bị coi là bên thế yếu. NHTM là tổ chức , trình độ hiểu biết thường cao hơn , là chủ thể cung cấp dịch vụ và chủ yếu đều có sẵn các hợp đồng mẫu do họ tự soạn thảo nên họ có khả năng tự bảo vệ trong quan hệ hợp đồng . Người gửi tiền chủ yếu là các cá nhân , trình độ hiểu biết thường thấp hơn , khả năng tự bảo vệ mình trong quan hệ hợp đồng với NHTM thường thấp hơn.

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là một bộ phận hợp thành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng . Hiện nay ở Việt Nam , chưa có văn bản pháp luật chuyên biệt về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền . Vì vậy, cơ chế, nội dung bảo vệ quyền lợi người gửi tiền được quy định chủ yếu trong các văn bản pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thứ ba, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền được hợp thành bởi nhiều quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau (pháp luật dân sự, pháp luật ngân hàng, pháp luật tài chính...).

Hiện nay, ở nước ta chưa có riêng Luật bảo vệ người gửi tiền mà hệ thống quy phạm pháp luật này nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Chúng được quy định tại Luật NHNN, Luật các TCTD, Bộ luật dân sự, Luật BHTG và các các bản hướng dẫn thi hành... Do đó thực hiện pháp luật về bảo vệ người gửi tiền là thực hiện các quy định trong các văn bản khác nhau, là trách nhiệm của các chủ thể khác nhau trong xã hội. Chính vì vậy để thực hiện hiệu quả pháp luật này cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của các chủ thể pháp luật đó.

2.1.3. Nội dung pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền

Ngân hàng là một tổ chức tài chính trung gian huy động vốn , cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng. Ngân hàng huy động vốn bằng cách nhận tiền gửi trên các tài khoản tiền gửi vãng lai, tiền gửi có kỳ hạn hoặc phát hành các chứng khoán nợ. Ngân hàng cho vay bằng cách dùng tiền gửi và vốn tự có của mình cho vay đến các cá nhân và doanh nghiệp dưới nhiều hình thức, hoặc đầu tư vào các loại chứng khoán. Các nghiên cứu về tài chính ngân hàng xếp mối quan hệ giữa người gửi tiền và ngân hàng là mối quan hệ tín thác (principal – agent relationship). Trong đó người gửi tiền là người ủy nhiệm (principal) và ngân hàng là người được ủy nhiệm (agent). Điều đó nói lên rằng mối quan hệ này đặt nền tảng rất lớn lên niềm tin của người gửi tiền vào ngân hàng.

Về phía người gửi tiền, họ quan tâm đến nhiều vấn đề: họ có được đảm bảo một cách hợp lý để được nhận lại tiền họ đã gửi khi họ muốn hay không? Cơ chế nào mà họ có thể có được để bảo vệ quyền lợi của họ? Để có thể kiểm soát được hành vi sử dụng tiền của ngân hàng? Các biện pháp bảo đảm nào

ngân hàng đưa ra để đảm bảo an toàn cho người gửi và giữ chân người gửi? Nghĩa là sự quan tâm cơ bản của người gửi tiền việc nhận lại cuối cùng khoản tiền gửi của họ và các khoản lãi đã được cam kết. So với các chủ nợ trên các thị trường khác, các khách hàng gửi tiền của ngân hàng ở vị thế hưởng lợi tương đối ít từ sự tăng trưởng nhanh của ngân hàng hoặc việc theo đuổi các khoản lợi nhuận tương đối rủi ro. Mặt khác, người gửi tiền lại phải chịu phần lớn thiệt hại nếu ngân hàng phá sản.

Do vậy, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng và bảo vệ người gửi tiền là những vấn đề lớn. Nhà nước là người có vai trò to lớn trong việc làm giảm nhẹ xung đột các lợi ích này. Thông qua công cụ luật pháp và các công cụ kinh tế tài chính, nhà nước giúp ngăn chặn sự mạo hiểm quá mức của các ngân hàng mà cuối cùng chuyển rủi ro đến những người cho ngân hàng vay tiền. Về khía cạnh này, các cơ quan quản lý quản lý nhà nước ngành ngân hàng là người hành động đứng về phía người gửi tiền.

Từ sự phân tích trên, nội dung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền bao gồm vấn đề sau:

Thứ nhất, các quy định về phòng tránh rủi ro và đảm bảo an toàn cho người gửi tiền. Đây là một trong những biện pháp bảo đảm hữu hiệu đối với quyền lợi người gửi tiền. Lĩnh vực tài chính, tiền tệ là lĩnh vực nhạy cảm, việc sụp đổ của một thiết chế tài chính kéo theo hậu quả khôn lường cho nền kinh tế, quốc gia. Hơn nữa, trong quan hệ hợp đồng vay tài sản này, những rủi ro có thể đến với họ, nhưng bản thân họ lại không thể kiểm soát được rủi ro đó. Vì thế, để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và đảm bảo sự phát triển ổn định của nền kinh tế, pháp luật cần đưa ra các biện pháp phòng tránh rủi ro và đảm bảo an toàn cho người gửi tiền.

Người gửi tiền có nhiều mục đích: hưởng lãi suất, thanh toán... Để phù hợp với mục đích này, các NHTM cần đưa ra các dịch vụ khác nhau nhằm

thỏa mãn nhu cầu đa dạng của người gửi tiền. Các dịch vụ này cần được công khai, đặc biệt với dịch vụ gửi tiền tiết kiệm, người gửi tiền cần được thông tin đầy đủ về các mức hưởng lãi suất. Ngoài ra, người gửi tiền có quyền được bảo đảm an toàn về số tiền gửi. Như vậy, nghĩa vụ bảo đảm an toàn về số tiền này thuộc về NHTM nhận tiền gửi. NHTM không được công khai số tiền gửi cho bất cứ một tổ chức hay cá nhân nào trừ trường hợp việc công khai theo quyết định có hiệu lực pháp lí của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Hiện nay, công cụ quan trọng nhất để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là BHTG. Nhà nước cần hoàn thiện, bổ sung các quy định về BHTG để góp phần bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và hoạt động lành mạnh của NHTM.

Thứ hai, các quy định về phương thức giải quyết tranh chấp giữa NHTM và người gửi tiền.

Trong quan hệ hợp đồng, khi thiện chí giao kết, chủ thể các bên đều mong muốn hợp đồng được thực hiện đúng như những gì đã thỏa thuận và mang lại lợi ích cho các bên. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp, chủ thể các bên trong quan hệ hợp đồng vì nhiều nguyên nhân khác nhau vi phạm nội dung đã thỏa thuận làm ảnh hưởng tới quyền lợi của chủ thể bên kia. Bản chất của việc ngân hàng nhận tiền gửi là quan hệ vay tài sản. Trong quan hệ hợp đồng này, người gửi tiền thường bị coi là bên thế yếu, nên nếu xảy ra tranh chấp hợp đồng giữa NHTM và người gửi tiền thì chủ yếu là NHTM xâm phạm quyền lợi của người gửi tiền. Vì vậy, pháp luật phải xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM. Hiện nay có bốn phương thức giải quyết tranh chấp giữa NHTM và người gửi tiền: thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và Tòa án.

Thứ ba, các quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong trường hợp các NHTM chấm dứt hoạt động.

Đối với kinh tế thị trường việc một chủ thể kinh doanh chấm dứt hoạt động là hoàn toàn bình thường nhưng NHTM là chủ thể kinh doanh đặc biệt với đối tượng là tiền tệ thì việc chấm dứt một NHTM bằng hình thức này hay hình thức khác đều có những hệ lụy đối với nền kinh tế. Do vậy, trong trường hợp việc kinh doanh không còn tạo ra lợi nhuận, hay vì lí do khác, các NHTM phải chấm dứt hoạt động thì thủ tục này cũng phức tạp và chặt chẽ hơn nhiều so với các chủ thể kinh doanh khác. Theo quy định pháp luật hiện hành, các trường hợp chấm dứt hoạt động của NHTM gồm: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản. Hậu quả pháp lí của mỗi trường hợp chấm dứt là khác nhau nên quyền của người gửi tiền trong từng trường hợp ấy cũng có cơ chế đảm bảo khác nhau.

Thứ tư, các quy định về cơ quan bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, Nhà nước hiện diện bởi các cơ quan Nhà nước. Để các chủ thể trong xã hội thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, cần xây dựng hệ thống cơ quan bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Phải đảm bảo sự hiện diện của cơ quan Nhà nước ở đầy đủ các khâu: lập pháp, hành pháp, tư pháp.

2.2. Pháp luật hiện hành về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam

2.2.1. Pháp luật về phòng tránh rủi ro và đảm bảo an toàn cho người gửi tiền tại Ngân hàng thương mại.

Mục tiêu lớn nhất đối với quản lí Nhà nước về tài chính là đảm bảo an toàn, hạn chế mọi rủi ro xảy ra. Bởi đây là huyết mạch của nền kinh tế, sự sụp đổ của tổ chức tài chính này sẽ dễ tạo phản ứng dây chuyền. Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho hệ thống tài chính nói chung, hoạt động của NHTM nói riêng và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, giải pháp tốt nhất là phòng tránh rủi ro. Nhiệm vụ của mọi cá nhân,

tổ chức liên quan là phải lường trước rủi ro, đưa ra giải pháp và tuân thủ nghiêm chỉnh theo các giải pháp đó. Hiện nay pháp luật đưa ra nhiều quy định về phòng tránh rủi ro cho người gửi tiền bằng cách quy định cụ thể về nghĩa vụ của NHTM đối với khách hàng, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và biện pháp phòng tránh rủi ro trong hoạt động của NHTM. Bởi hoạt động của NHTM có an toàn, hiệu quả thì quyền lợi của người gửi tiền mới được đảm bảo. Các quy định này rải rác ở các văn bản luật khác nhau, nên tác giả tập trung vào những nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, NHTM một mặt phải công khai các dịch vụ và chế độ ưu đãi đối với người gửi tiền, mặt khác phải bảo vệ và giữ bí mật những thông tin về chính khách hàng.

Quy định về vấn đề này, theo Điều 10 Luật các TCTD 2010 các NHTM phải có trách nhiệm công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, BHTG tại trụ sở chính và chi nhánh. Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng. Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức NHTM phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. NHTM không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Luật này. NHTM cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

Bản chất của việc NHTM nhận tiền gửi của người gửi tiền là hợp đồng vay tài sản. Như vậy, mọi điều khoản của hợp đồng phải được công khai. Trong quan hệ hợp đồng này, NHTM tự nắm bắt và chi phối được quyền lợi của mình nhưng người gửi tiền thì không thể thực hiện điều đó. Quyền lợi của người gửi tiền chịu sự chi phối của NHTM. Vì thế, để thực hiện đúng quy

định của pháp luật về giao kết hợp đồng và bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, các NHTM phải công khai các loại dịch vụ và ưu đãi đối với người gửi tiền trong từng loại dịch vụ đó.

Mục đích của người gửi tiền vào NHTM rất đa dạng, có người muốn gửi để an toàn, hưởng lợi nhuận, có người muốn mở tài khoản để thanh toán... Để thỏa mãn các mục đích này của người gửi tiền, NHTM đã cố gắng cung cấp rất nhiều các loại dịch vụ: dịch vụ gửi tiền tiết kiệm, ngân hàng liên kết với các nhà kinh doanh khác như siêu thị để mở tài khoản thẻ thanh toán, dịch vụ thanh toán quốc tế... Tuy nhiên, dịch vụ mà được nhiều người gửi tiền lựa chọn nhất đó là gửi tiết kiệm để hưởng lãi suất. Có thể khẳng định, nhiều người ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là tầng lớp người già, tiền sinh hoạt của họ trông chờ vào tiền gửi tiết kiệm hàng tháng tại ngân hàng. Để đảm bảo quyền lợi và thỏa mãn nhu cầu này của người gửi tiền, các NHTM đưa ra các loại hình gửi tiết kiệm phong phú: không kì hạn, có kì hạn (kì hạn 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng...). Thông thường, kì hạn càng kéo dài thì mức lãi suất càng cao. Tùy vào mục đích và nhu cầu, người gửi tiền tự lựa chọn dịch vụ cho phù hợp.

Để bảo vệ quyền được thông tin của người gửi tiền, tất cả những dịch vụ kể trên của NHTM được công khai thông qua nhiều hình thức (ghi trong hợp đồng mẫu của ngân hàng, niêm yết công khai tại quầy giao dịch của ngân hàng...). Qua đó, người gửi tiền biết rõ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia hợp đồng với NHTM.

Do sức ép cạnh tranh nên các NHTM ngoài việc cung cấp các dịch vụ kể trên, còn cung cấp nhiều dịch vụ khác liên quan. Ví dụ: hiện nay nhiều NHTM cung cấp thêm dịch vụ nhắn tin thông báo tài khoản qua điện thoại di động cho khách hàng (chủ yếu là tài khoản thẻ). Khi được thường xuyên cập

nhập thông tin như vậy, người gửi tiền sẽ kiểm soát được số tiền trong tài khoản hiện tại của mình.

Bảo đảm an toàn cho người gửi tiền còn là sự bảo đảm an toàn về số tiền mà khách hàng gửi vào NHTM và những thông tin về chính khách hàng phải được bảo vệ và giữ bí mật. Tại Điều 10 Luật các TCTD năm 2010 quy định: NHTM từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng. Điều 14 Luật các TCTD năm 2010 cũng quy định NHTM phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại NHTM, không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại NHTM cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng. Do đó, NHTM không có quyền công khai số tiền đó cho bất cứ một chủ thể nào trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có yêu cầu. Việc yêu cầu của cơ quan Nhà nước phải dựa trên một quyết định có hiệu lực pháp lý, việc phong tỏa tài sản của người gửi tiền trong NHTM phục vụ cho mục đích, điều tra lấy chứng cứ cho vụ việc, vụ án cụ thể. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi ra quyết định phong tỏa tài sản của người gửi tiền trong NHTM phải đưa ra được các dấu hiệu chứng minh số tiền đó có liên quan tới vụ án, vụ việc cần phải làm sáng tỏ.

Ngoài ra sự an toàn còn được thể hiện ở tính hoàn trả cả gốc và lãi cho người gửi tiền khi hợp đồng hết thời hạn. Đây cũng là nghĩa vụ của NHTM khi thực hiện hợp đồng gửi tiền theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, NHTM phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn và phòng tránh rủi ro trong quá trình hoạt động.

Để đảm bảo khoản tiền gửi của khách hàng, NHTM phải thực hiện đúng các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của mình. Cụ thể trong Thông tư 13/2010/TT – NHNN quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, các TCTD nói chung và NHTM nói riêng phải đảm bảo các quy định về (1) tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo đó NHTM phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản “Có” rủi ro của TCTD (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ). Phải thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, ngoài việc duy trì tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ quy định trên, phải đồng thời duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của TCTD và công ty trực thuộc (tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất). (2) Giới hạn tín dụng, NHTM phải căn cứ vào quy định tại Thông tư trên, quy chế nội bộ về quản lý chất lượng tín dụng để xây dựng, ban hành quy định về các tiêu chí xác định một khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan, chính sách tín dụng đối với khách hàng và các giới hạn tín dụng áp dụng đối với một khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan. (3) Tỷ lệ về khả năng chi trả, cuối mỗi ngày, NHTM phải xác định và có các biện pháp để đảm bảo các tỷ lệ về khả năng chi trả cho ngày hôm sau như sau tỷ lệ tối thiểu bằng 15% giữa tổng tài sản “Có” thanh toán ngay và tổng Nợ phải trả. (4) Giới hạn góp vốn, mua cổ phần, mức góp vốn, mua cổ phần của NHTM trong một doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, NHTM khác không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, NHTM đó, trừ trường hợp góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật. (5) tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động, NHTM chỉ được sử dụng nguồn vốn huy động để cấp tín dụng với điều kiện trước và sau khi cấp tín dụng đều đảm bảo tỷ lệ về khả năng chi trả và các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác quy định tại Thông tư này và không được vượt quá tỷ lệ 80%.

Bên cạnh đó, các NHTM còn phải xác lập mức dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro. Hoạt động ngân hàng là hoạt động luôn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao. Vì vậy, việc quy định các biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro tín dụng là rất cần thiết nhằm bảo vệ sự phát triển lành mạnh và đảm bảo quyền lợi người gửi tiền.

Theo quy định của NHNN hiện nay, với mỗi khoản huy động, ví dụ 10 đồng, các NHTM phải dành 3% cho dự trữ bắt buộc, 10% dự trữ thanh khoản. Ngoài ra, khi bắt đầu cho vay, NHTM còn phải trích 0,75% cho dự phòng chung (dành cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ). Khoản trích lập dự phòng nặng nhất khi ứng với mức độ rủi ro từng món nợ, ngân hàng phải trích lập dự phòng tăng dần. Cụ thể, nợ nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) không cần trích lập; nợ nhóm 2 (nợ cần chú ý) 5%; nhóm 3 (dưới tiêu chuẩn) 20%; nhóm 4 (nghi ngờ) 50%; nhóm 5 (có nguy cơ mất vốn) 100%. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của các Ngân hàng, vậy, trích lập như thế nào, trích lập ra làm sao để không ảnh hưởng lớn đến kế hoạch lợi nhuận là bài toán khó giải đối với các NHTM.

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Thông tư này nêu rõ: Dự phòng rủi ro là số tiền được trích lập và hạch toán vào chi phí hoạt động để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với nợ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Dự phòng rủi ro bao gồm: Dự phòng cụ thể và Dự phòng chung. Dự phòng cụ thể là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản nợ cụ thể. Dự phòng chung là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích

lập dự phòng cụ thể. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với các nhóm nợ như sau: Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn): 0%; Nhóm 2 (Nợ cần chú ý): 5%; Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn): 20%; Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ mất vốn): 50%; Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn): 100%.

Trong nửa đầu năm 2014, trong hầu hết các Báo cáo tài chính của các NHTM, trích lập dự phòng ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận đạt được của họ. Một số NHTM quy mô nhỏ có lợi nhuận khả quan như Ngân hàng Tiên Phong (263 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch lợi nhuận cả năm); Ngân hàng Phương Đông lợi nhuận trước thuế 128 tỷ đồng, đạt 73% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm... còn lại phần lớn là có lãi sụt giảm hoặc chưa tới 50% kế hoạch năm. ACB lũy kế 6 tháng đầu năm nay chỉ đạt hơn 730 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm ngoái đạt trên 945 tỷ đồng. DongA Bank lãi 6 tháng qua chỉ bằng phân nửa cùng kỳ 2013. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) lợi nhuận trước thuế 6 tháng của ngân hàng đạt 2.418 tỷ đồng, bằng 41% kế hoạch năm. Ngân hàng Quốc Dân là một trong những đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng khá ảm đạm khi lợi nhuận thu về chưa tới 4 tỷ đồng, vốn vắn bằng 4% kế hoạch năm (96 tỷ đồng).

Như vậy, theo thông kê hoạt động 6 tháng đầu năm của các NHTM đơn vị có mức lợi nhuận cao nhất cũng chỉ đạt 51-52% kế hoạch năm, còn lại đa phần mới thực hiện 25-27% kế hoạch năm, thậm chí thấp hơn. [17].

Nguyên nhân chính có thể đến từ việc trích lập dự phòng rủi ro lớn đã ảnh hưởng nhất định đến tốc độ lợi nhuận của các ngân hàng. Điển hình như ACB, trong quý II/2014, ngân hàng này phải trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tới hơn 354 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm ngoái chỉ gần 57 tỷ đồng. Nhìn nhận vấn đề này, một chuyên gia kinh tế là Thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính tiền tệ quốc gia phân tích dự phòng đang tăng lên, đồng nghĩa việc bảo đảm an toàn cho ngân hàng đang lớn hơn sức ép lợi nhuận từ

cổ đông, quản lý của Nhà nước về dự phòng rủi ro cũng đang chặt chẽ hơn . Có thể thấy vấn đề lợi nhuận đang là khó khăn chung của toàn ngành ngân hàng. Tổng cầu yếu, hàng tồn kho của doanh nghiệp ngày một nhiều khiến ngân hàng không dám cho vay vì sợ gia tăng tỷ lệ nợ xấu . Nếu trích lập dự phòng đầy đủ thì các ngân hàng khả năng sẽ không có lãi như công bố . Như vậy có thể nhìn nhận rằng với xu hướng và cách thức hiện nay , tín dụng khó đạt mục tiêu 12%. Do vậy, lợi nhuận của các ngân hàng năm nay cũng khó về đến đích. Có nhiều “thủ thuật” để NHTM giảm bớt số tiền trích lập dự phòng nhằm hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận hàng năm. Số lãi hàng ngàn tỷ đồng có thể biến thành lỗ ngay lập tức nếu họ trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro cho các khoản nợ xấu. Rõ ràng, với cơ chế trích lập dự phòng của NHNN như hiện tại, chỉ cần hạch toán giảm số nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 5), đặc biệt là nhóm 5, số tiền trích lập dự phòng đối với một NHTM sẽ thấp đi rất nhiều so với thực tế.

Lợi nhuận đang là nguyên nhân hàng đầu khiến các NHTM tính toán, cân nhắc có nên trích đúng, đủ dự phòng rủi ro hằng năm. Các NHTM luôn bị sức ép trong kinh doanh khiến họ phải giấu đi những khoản nợ đáng lẽ phải trích dự phòng rủi ro một cách sòng phẳng. Thứ nhất, hội đồng quản trị các NHTM đã cam kết với cổ đông về tăng trưởng lợi nhuận, nếu không đạt, ngoài việc giá cổ phiếu xuống dốc, uy tín của họ sẽ bị giảm, dẫn đến nguy cơ “mất ghế”. Thứ hai, các NHTM thường nhìn nhau trong việc công bố lợi nhuận. Thứ ba, việc công bố lợi nhuận còn liên quan đến uy tín và thương hiệu của một Ngân hàng trong công tác huy động vốn.

Như vậy, để có lợi nhuận, khi lên cân đối, các NHTM thường có 2 phương án để thực hiện , một là có giải xấu để nợ xấu có tỷ lệ hợp lý (dưới 5%), hai là không trích dự phòng hoặc trích không đầy đủ để hạ thấp chi phí, đảm bảo có thu nhập đủ chi lương. Trước thực trạng bức bách về tỷ lệ nợ

xấu, trích lập dự phòng rủi ro hằng năm chưa đúng và đủ, NHNN cần ban hành một thông tư mới quy định về cách phân loại và trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Nếu được thông qua, tỷ lệ nợ xấu và dự phòng phải trích lập của các NHTM sẽ chính xác và toàn diện hơn. Tóm lại, dù muốn hay không, việc minh bạch, công khai nợ xấu cũng như danh tính của các NHTM yếu kém là chủ trương đúng đắn nhằm lành mạnh hóa hệ thống NHTM, ngăn chặn tái lạm phát và chặn đà suy giảm kinh tế. [17]. Qua đó góp phần bảo vệ tốt nhất cho người gửi tiền tại các NHTM.

Thứ ba, các NHTM bắt buộc phải tham gia BHTG.

Theo khoản 1 Điều 4 Luật BHTG 2012: *“BHTG là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được BHTG trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia BHTG lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản”*.

BHTG xuất hiện như một đòi hỏi khách quan của nền kinh tế, là cơ sở để củng cố niềm tin của người gửi tiền đối với các TCTD nói chung và đối với NHTM nói riêng. Hiện nay, BHTG là công cụ quan trọng nhất để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Mục đích lớn nhất của BHTG là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, điều này thể hiện ngay từ tên gọi của nó là bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng dịch vụ tài chính, ngân hàng. Người gửi tiền trong các NHTM là người cho ngân hàng vay tiền, trường hợp ngân hàng phá sản hoặc mất khả năng thanh toán các khoản tiền vay đó thì người gửi tiền phải chịu rủi ro. Như vậy, rủi ro của người gửi tiền về cơ bản nằm ngoài tầm kiểm soát của họ và họ không có khả năng tự bảo vệ mình. Vì thế, để bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và đảm bảo an toàn cho nền tài chính quốc gia cần có một tổ chức đứng ra BHTG cho họ. Đặc điểm lớn nhất của BHTG là người được thụ hưởng (người gửi tiền) không phải là người tham gia bảo hiểm mà là NHTM và các TCTD khác. Chính vì thế, BHTG trở thành hình

thức bắt buộc đối với các NHTM và các TCTD khác có huy động vốn từ dân cư. NHTM là người đi vay tiền của người gửi tiền nhưng đồng thời cũng là chủ thể trực tiếp chi phối quyền lợi của người gửi tiền. Bởi vậy, việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền vừa là quyền và nghĩa vụ của NHTM. NHTM huy động vốn trong dân cư, việc bảo vệ tốt quyền lợi của người gửi tiền là cơ sở để củng cố niềm tin, người gửi tiền tiếp tục tìm đến NHTM gửi tiền là tạo thêm cơ hội kinh doanh cho ngân hàng đó. Ý thức được nguyên tắc bắt buộc của BHTG, các NHTM đã tham khá đầy đủ hoạt động này. Hiện nay việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật BHTG tại các NHTM Việt Nam khá đồng bộ và ngày càng được chú trọng. Việc tuân thủ chính sách pháp luật đầy đủ đã giúp cho các NHTM hoạt động tốt và có hiệu quả, củng cố niềm tin của khách hàng, giúp các ngân hàng này đủ sức để cạnh tranh với các TCTD khác, với ngân hàng mạnh nước ngoài trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO. Hơn nữa, trong điều kiện nền kinh tế thế giới và Việt Nam đang đứng trước thách thức của cuộc khủng hoảng kinh tế, việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về BHTG còn giúp các NHTM ổn định tăng trưởng, vượt qua khủng hoảng.

2.2.2. Pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp giữa người gửi tiền và ngân hàng thương mại.

Hình thức pháp lý của quan hệ huy động vốn từ dân cư gửi tiền vào NHTM là hợp đồng cho vay tài sản, vì thế, trong nhiều trường hợp các chủ thể tham gia hợp đồng cũng có thể vi phạm những điều khoản đã thỏa thuận. Đối với quan hệ hợp đồng giữa người gửi tiền và NHTM, chủ thể có hành vi vi phạm hợp đồng chủ yếu là phía NHTM. Bởi vì trong quan hệ hợp đồng này NHTM được coi là bên thế mạnh, người gửi tiền bị coi là bên thế yếu, quyền lợi của người gửi tiền do NHTM chi phối nên NHTM dễ dàng có những hành vi vi phạm quyền lợi của người gửi tiền để trục lợi. Trên thực tế, việc NHTM

thực hiện sai các quy định và xâm hại tới quyền lợi của người gửi tiền không nhiều nhưng cũng không phải chưa từng xảy ra. Vậy khi NHTM có hành vi vi phạm quyền lợi của người gửi tiền thì người gửi tiền sẽ phải làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

Một trường hợp điển hình mà NHTM vi phạm quyền của người gửi tiền có thể kể tới là trường hợp Ông Phan Văn Tuyết – một người gửi tiền tại NHTMCP Sài Gòn Thương tín – Sacombank) (ngụ số 97 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một) vừa có đơn phản ánh gửi đến Dân trí với nội dung : từ cuối năm 2007 đến tháng 6/2008, ông Tuyết đã nhiều lần tới phòng giao dịch Thủ Dầu Một (NHTM CP Sài Gòn Thương tín – Sacombank) gửi tiền tiết kiệm và thực hiện giao dịch rút tiền. Trong quá trình giao dịch, ông Tuyết được 2 cán bộ của ngân hàng là Phan Khánh Tường và Trần Thị Minh Hằng hướng dẫn các thủ tục. Mỗi lần gửi tiền vào ngân hàng, ông Tuyết đều được cấp 1 mã số tài khoản tiền gửi và sổ tiết kiệm khác nhau. Tính đến ngày 19/3/2008, ông Tuyết đã thực hiện 13 lần gửi tiết kiệm với số tiền hơn 5,7 tỷ đồng. Tiếp đó, ông Tuyết đã vay của ngân hàng 2.300 lượng vàng tại 2 hợp đồng tín dụng ngày 19/11/2007 và hợp đồng ngày 4/1/2008. Cả 2 hợp đồng vay vàng này được thế chấp bằng các sổ tiết kiệm đã gửi tại ngân hàng. Ngày 9/6/2008, ông Tuyết đến ngân hàng để làm thủ tục thanh quyết toán các khoản nợ và chốt số tiền gửi còn lại gửi ở ngân hàng. Tại đây, ông Tuyết đã đưa cho chị Phan Khánh Tường toàn bộ sổ sổ tiết kiệm để kiểm tra và làm thủ tục tắt toán các khoản vay. Sau khi làm xong, chị Tường đưa cho ông Tuyết 1 phiếu nộp tiền có đóng dấu đỏ của ngân hàng với thông báo số tiền còn lại của ông Tuyết tính đến ngày 9/6/2008 là 3,9 tỷ đồng. Từ ngày 11 đến ngày 20/6/2008, ông Tuyết ủy quyền cho vợ mình để rút 200 triệu đồng. Số tiền tiết kiệm còn lại là 3,7 tỷ. Thế nhưng, ngày 25/6/2008, ông Tuyết mang giấy thông báo tiền là 3,9 tỷ mà chị Tường đã giao cho ông trước

đó đến ngân hàng để rút tiền thì được một nhân viên thông báo giấy báo này không có giá trị và số tiền thực không phải như vậy. Ông Tuyết còn tá hỏa khi được ngân hàng thông báo, ông còn có thêm 2 hợp đồng vay của ngân hàng là 1.000 chỉ vàng. Ông Tuyết khẳng định 2 hợp đồng tín dụng số 1076 ngày 24/1/2008 và hợp đồng số 1082 ngày 26/1/2008 với số vàng vay là 1.000 chỉ, là hợp đồng giả mạo. Ngày 7/10/2008, Giám đốc Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – chi nhánh Thủ Dầu Một Bình Dương – Phạm Thanh Kỳ đã gửi thông báo số dư trong tài khoản của ông Tuyết là 2,550 tỷ đồng. Đồng thời, thông báo số tiền còn lại của ông Tuyết sau khi tất toán 2 khoản vay 1.000 chỉ vàng (mà ông Tuyết khẳng định đây là hợp đồng giả mạo chữ ký của ông) là 919.489.851 đồng. Sau khi nhận được những phản ánh của Dân trí, ông Trần Xuân Huy, Tổng Giám đốc NHTM cổ phần Sài Gòn Thương tín – Sacombank đã có văn bản phúc đáp đến báo Dân trí như sau: Về việc Sacombank đã từ chối chi trả khi ông Tuyết xuất trình giấy nộp tiền 3,9 tỷ đồng.

Căn cứ điều 15 “Rút gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm”, Điều 26 “Quyền của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm”. Quy chế về tiền gửi tiết kiệm được Thống đốc NHNN ký ban hành theo Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN ngày 13/09/2004 về Quy chế tiền gửi tiết kiệm quy định: Người gửi tiền khi đến rút gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm phải “xuất trình thẻ tiết kiệm”. Tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm được quyền từ chối việc chi trả tiền tiết kiệm nếu người gửi tiền không xuất trình Thẻ tiết kiệm khi đến rút tiền. Khi đến giao dịch, ông Tuyết không xuất trình Thẻ tiết kiệm khi đến rút tiền. Khi đến giao dịch, ông Tuyết không xuất trình được thẻ tiết kiệm như quy định nên Sacombank đã từ chối chi trả số tiền 3,9 tỷ đồng mà ông yêu cầu. Hơn nữa, căn cứ vào Biên bản làm việc giữa ông Tuyết với Sacombank, ông Tuyết đã xác nhận số tiền 3,9 tỷ đồng không phải là số tiền mà ông đã nộp vào ngày 9/6/2008 để mở Thẻ tiết kiệm với thời hạn 3 tháng theo như nội dung trên Giấy nộp tiền ngày 9/6/2008

do ông cung cấp. Giấy nộp tiền ngày 9/6/2008 chỉ là giấy xác nhận công nợ do bà Phan Khánh Tường (nguyên Phó Phòng giao dịch Thủ Dầu Một) cung cấp để xác nhận tổng số tiền gửi còn lại của ông tại phòng giao dịch Thủ Dầu Một theo thư yêu cầu của ông.

Việc bà Tường lợi dụng chức vụ, quyền hạn được Sacombank phân công/ủy quyền, ký phát hành chứng từ và sử dụng con dấu của Ngân hàng để xác nhận công nợ bằng Giấy nộp tiền là vi phạm nghiêm trọng quy định của Sacombank.

Sau khi sự việc xảy ra, Sacombank đã thông báo bằng văn bản các khoản tiền gửi mang tên Phan Văn Tuyết hiện đang được Ngân hàng quản lý và đề nghị xuất trình Thẻ tiết kiệm để có cơ sở giải quyết chi trả theo đúng quy định nhưng cho đến nay, ông Tuyết đã không xuất trình các Thẻ tiết kiệm cho Sacombank.

Về việc 02 Hợp đồng tín dụng số 1076 và 1082 đề cập trên Đơn khiếu nại: Dữ liệu trên chương trình quản lý của Sacombank có thể hiện 2 khoản vay này và hiện tại Sacombank vẫn đang lưu giữ 2 hợp đồng tín (bản chính) và các Thẻ tiết kiệm được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay mang tên Phan Văn Tuyết.

Trong thời gian qua, Sacombank đã nhiều lần làm việc và thông báo bằng văn bản đề nghị ông Tuyết thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với 2 khoản vay trên do đã vi phạm các quy định trên Hợp đồng. Tuy nhiên, ông Tuyết không thực hiện nên Sacombank đã xử lý các Thẻ tiết kiệm được cầm cố để thu hồi nợ vay theo đúng các điều khoản đã quy định trong hợp đồng.

Các vấn đề nêu trên, Sacombank đã nhiều lần làm việc với ông Tuyết nhưng cả 2 bên đã không thống nhất được ý kiến. Cả 2 bên đều đưa ra những lý lẽ và bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình là đúng[48].

Để giải quyết vụ tranh chấp trên thực tế ở nước ta hiện nay, có bốn phương thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và Tòa án.

Thương lượng là việc hai bên tranh chấp (người gửi tiền và NHTM) cùng thỏa thuận tìm cách giải quyết mà không cần đến sự can thiệp của bên thứ ba. Ưu điểm của phương thức này là nhanh, tiết kiệm chi phí và giữ được bí mật kinh doanh, uy tín cho NHTM. Tuy nhiên, bên cạnh đó phương thức này cũng tồn tại nhiều nhược điểm, nhược điểm lớn nhất đó là quá trình và kết quả thương lượng được thực hiện dựa trên thiện chí của các bên nên khả năng thành công thường thấp. Trường hợp người gửi tiền và NHTM thỏa thuận để giải quyết tranh chấp bằng con đường thương lượng thì NHTM cử đại diện để cùng bàn bạc và đi đến cách giải quyết với người gửi tiền. Nếu người gửi tiền không thể tham gia thương lượng cũng có thể cử đại diện của mình tham gia thay.

Hòa giải là việc hai bên tranh chấp (người gửi tiền và NHTM) muốn giải quyết tranh chấp có sự can thiệp của bên thứ ba làm trung gian hòa giải (hòa giải ngoài tổ tụng). Ưu điểm của phương thức này cũng là nhanh, tiết kiệm chi phí tuy nhiên khi đã có sự can thiệp của bên thứ ba, bí mật kinh doanh và uy tín của NHTM khó giữ được. Hơn nữa, quá trình và kết quả hòa giải được thực hiện do thiện chí của hai bên. Tham gia hòa giải là đại diện của NHTM, người gửi tiền hoặc đại diện của người gửi tiền và bên trung gian hòa giải. Trung gian hòa giải là những người có kiến thức chuyên môn, có kỹ năng hòa giải, giúp các bên tìm được cách giải quyết đảm bảo quyền lợi của cả hai bên. Việc lựa chọn giải quyết tranh chấp theo hai phương thức này là quyền của các bên.

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận lựa chọn một hội đồng trọng tài, hội đồng trọng tài căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Trong tranh chấp giữa NHTM và người gửi tiền, bên NHTM là bên có hoạt động thương mại.

Vì thế, theo Điều 2 Luật trọng tài thương mại 2010, tranh chấp giữa NHTM và người gửi tiền có thể được giải quyết theo phương thức trọng tài thương mại.

Nếu NHTM và người gửi tiền muốn giải quyết tranh chấp theo phương thức trọng tài thương mại thì phải có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. Phán quyết của trọng tài thương mại có giá trị chung thẩm và bắt buộc các bên phải thực hiện.

Tòa án là phương thức giải quyết tại cơ quan tài phán Nhà nước. Đây là phương thức giải quyết tranh chấp thường được các bên sử dụng nhiều nhất bởi quá trình giải quyết tranh chấp và kết quả giải quyết tranh chấp được thực hiện trên tinh thần bắt buộc cao. Nhà nước có đủ các công cụ để cưỡng chế nếu bên nào vi phạm và cố tình không thực hiện theo phán quyết của Nhà nước.

Các tranh chấp về tiền gửi giữa người gửi tiền và NHTM ít khi sử dụng phương thức Tòa án. Bởi vì, thực tế, vì nhiều lý do khác nhau, số lượng các vụ tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM thường ít. Trường hợp xảy ra tranh chấp, NHTM và người gửi tiền thường giải quyết bằng phương thức thương lượng.

2.2.3. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong trường hợp ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động

NHTM cũng như các chủ thể kinh doanh khác, không phải là hiện tượng vĩnh cửu, nó có sinh ra, có tồn tại và có mất đi. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, đến một thời điểm nào đó, NHTM có thể không còn hoạt động nữa. Nguyên nhân đó có thể là từ hệ thống luật pháp trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng còn thiếu những quy định quan trọng tạo điều kiện cho ngành ngân hàng phát triển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế như: các dịch vụ ngân hàng điện tử, minh bạch thông tin, phương thức cung cấp dịch vụ ngân hàng qua biên giới... Các văn bản pháp luật liên quan đến việc xử lý thu hồi vốn do nợ

quá hạn trong hoạt động ngân hàng còn nhiều bất cập, chông chéo. Thiếu công cụ cưỡng chế hữu hiệu để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng...; Tình trạng sử dụng tiền mặt trong nền kinh tế còn rất cao, hạn chế khả năng kiểm soát hoạt động của các công ty khi cho vay; Đồng thời làm tăng các chi phí in ấn, vận chuyển trong lưu thông, bảo quản và an ninh xã hội; Chưa có những quy định chặt chẽ và các yêu cầu bắt buộc về minh bạch thông tin trong hoạt động kinh doanh của các NHTM. Những số liệu về nợ xấu, tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng chưa được kiểm tra một cách chặt chẽ; Sự điều hành của Nhà nước không kịp thời đối với các thị trường có liên quan đến ngân hàng như thị trường chứng khoán; thị trường vàng, thị trường bất động sản gây ra các tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Cũng có nguyên nhân từ phía các NHTM như sự thành lập ồ ạt các NHTM làm chia cắt thị phần chung của hệ thống ngân hàng. Điều này đi ngược lại với xu thế chung là cần xây dựng những ngân hàng trong nước có quy mô lớn và sẵn sàng cho cuộc cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài. Tâm lý ngại sáp nhập, hợp nhất, ý thức cá nhân của các chủ ngân hàng còn quá lớn, họ muốn làm chủ một ngân hàng nhỏ nhưng của riêng mình hơn là phải sáp nhập, hợp nhất với một ngân hàng khác; Nhiều NHTM vẫn có tâm lý ỷ lại vào sự bảo hộ của nhà nước, thiếu năng động trong hoạt động kinh doanh, thiếu chuẩn bị về nhân lực làm hạn chế khả năng mở rộng mạng lưới, thị phần; cơ cấu dịch vụ vẫn nặng về tín dụng; khả năng đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng còn thấp. Do đó việc tổ chức lại ngân hàng, thậm chí chấm dứt những ngân hàng yếu kém là điều tất yếu phải xảy ra.

Việc chấm dứt hoạt động cũng thể hiện dưới nhiều hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản. Vậy, trong các trường hợp NHTM chấm dứt hoạt động như vậy, quyền lợi của người gửi tiền được giải quyết như thế nào?

NHTM bản chất là doanh nghiệp đặc biệt hoạt động tuân thủ các quy định của Luật các TCTD và các văn bản pháp luật khác. Tuy nhiên, nội dung Luật các TCTD không quy định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản NHTM thì phải căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp và Luật phá sản.

Thứ nhất, trường hợp chia NHTM.

Theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2005, ta có thể khẳng định NHTM có thể chia thành các ngân hàng nhỏ hơn, cùng loại, cùng kinh doanh lĩnh vực tiền tệ. Sau khi các ngân hàng mới được đăng ký kinh doanh, ngân hàng bị chia chấm dứt sự tồn tại. Các NHTM mới cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của ngân hàng bị chia. Như vậy, khoản nợ người gửi tiền, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi do các NHTM mới liên đới chịu trách nhiệm chi trả. Trường hợp NHTM mới và người gửi tiền thỏa thuận được thì nghĩa vụ chi trả người gửi tiền sẽ do một trong các NHTM mới thực hiện.

Thứ hai, trường hợp tách NHTM.

Theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp 2005, NHTM cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản của ngân hàng hiện có (gọi là ngân hàng bị tách) để thành lập một hoặc một số NHTM mới cùng loại (gọi là ngân hàng được tách); chuyển một phần quyền và nghĩa vụ của ngân hàng bị tách sang ngân hàng được tách mà không chấm dứt tồn tại của ngân hàng bị tách.

Sau khi đăng ký kinh doanh, ngân hàng bị tách và ngân hàng được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của ngân hàng bị tách. Như vậy, quyền lợi của người gửi tiền trong trường hợp này do ngân hàng bị tách và ngân hàng được tách liên đới chịu trách nhiệm. Trong trường hợp ngân hàng bị tách, ngân

hàng được tách có thỏa thuận về việc một trong những ngân hàng này chịu trách nhiệm chi trả cho người gửi tiền thì tuân thủ theo sự thỏa thuận đó.

Thứ ba, trường hợp hợp nhất NHTM

Theo quy định tại Điều 152 Luật doanh nghiệp 2005, hai hoặc một số NHTM cùng loại (sau đây gọi là ngân hàng bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một NHTM mới (sau đây gọi là ngân hàng hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang ngân hàng hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các ngân hàng bị hợp nhất.

Sau khi đăng ký kinh doanh, các ngân hàng bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; ngân hàng hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các ngân hàng bị hợp nhất.

Như vậy, đối với trường hợp ngân hàng hợp nhất, họ được hưởng những lợi ích của các ngân hàng bị hợp nhất, kể cả quyền sử dụng vốn vay của người gửi tiền trong dân cư. Vì thế, quyền lợi của người gửi tiền được ngân hàng hợp nhất sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo.

Thứ tư, trường hợp sáp nhập NHTM.

Theo Điều 153 Luật doanh nghiệp 2005, một hoặc một số NHTM cùng loại (sau đây gọi là ngân hàng bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một NHTM khác (sau đây gọi là ngân hàng nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang ngân hàng nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của ngân hàng bị sáp nhập.

Sau khi đăng ký kinh doanh, ngân hàng bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; ngân hàng nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của ngân hàng bị sáp nhập.

Trong trường hợp sáp nhập NHTM, ngân hàng nhận sáp nhập hưởng toàn bộ lợi ích của người gửi tiền vì thế đây là chủ thể có nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Họ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gửi (cả tiền gốc và tiền lãi) cho người gửi tiền theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, mấy năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta giảm, tỉ lệ lạm phát tăng. Ngoài ra, còn do một số nguyên nhân khác nên nhiều NHTM đứng trước nguy cơ phá sản. Việc một NHTM phá sản sẽ mang đến hậu quả khôn lường cho kinh tế quốc gia. Tại thời điểm đó cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã kịp thời can thiệp để các NHTM có thể hợp nhất, sáp nhập tránh tình trạng phá sản và tạo sự vững mạnh.

Thời điểm những năm 2010, 2011, 2012, vấn đề nóng của thị trường tài chính nước ta là sáp nhập, hợp nhất các NHTM. Khoảng thời gian đó, người gửi tiền hoang mang, họ lo sợ số tiền gửi trong ngân hàng sẽ không được chi trả hoặc chi trả không đầy đủ. Để củng cố lòng tin và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, đồng thời cũng nhằm ổn định tình hình tài chính trong nước, NHNN đã ban hành Thông tư 04/2010/TT-NHNN về sáp nhập, hợp nhất và mua lại TCTD, trong đó có quy định: *“TCTD tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, đặc biệt quyền lợi của người gửi tiền tại từng TCTD tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại”* (khoản 2 Điều 5).

Trong thời gian qua nhiều ngân hàng đã sáp nhập, hợp nhất nhưng vẫn bảo vệ được quyền lợi của người gửi tiền. Đây cũng là một thành tựu về thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Có thể kể tới một số vụ sáp nhập, hợp nhất tiêu biểu là: Hợp nhất ba ngân hàng NHTM cổ phần Sài Gòn (SCB), Ngân hàng Đệ nhất (Ficombank) và Ngân hàng Việt Nam Tín nghĩa; sáp nhập NHTM cổ phần Nhà Hà Nội (Habubank) vào NHTM cổ phần Sài

Gòn – Hà Nội (SHB)... Trong khoảng thời gian đầu khi nghe tin sáp nhập, hợp nhất các ngân hàng, nhiều người gửi tiền hoang mang. Nhưng niềm tin của khách hàng đã được củng cố khi các NHTM hợp nhất, sáp nhập thực hiện triệt để sự chỉ đạo của NHNN: “TCTD tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, đặc biệt quyền lợi của người gửi tiền tại từng TCTD tham gia sáp nhập, hợp nhất, mua lại”.

Thứ năm, trường hợp NHTM giải thể.

Theo Điều 157 Luật doanh nghiệp 2005, NHTM bị giải thể trong các trường hợp sau đây: Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ ngân hàng mà không có quyết định gia hạn; Theo quyết định của đại hội đồng cổ đông; ngân hàng không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu tháng liên tục; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Ngân hàng bị giải thể và ngân hàng bị phá sản có điểm giống nhau là đều chấm dứt hoạt động của ngân hàng. Tuy nhiên, điểm khác nhau cơ bản nhất là bản chất của giải thể và phá sản khác nhau. Nếu bản chất của phá sản là cuộc đòi nợ tập thể, và giải quyết tại Tòa án theo thủ tục tư pháp, thì giải thể là việc chấm dứt hoạt động của ngân hàng giải quyết theo thủ tục hành chính tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

Theo quy định của pháp luật, NHTM chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Như vậy, tiền gửi (tiền gốc và tiền lãi) của khách hàng sẽ được thanh toán hết trước khi NHTM tiến hành thủ tục giải thể.

Thứ sáu, trường hợp NHTM phá sản.

Từ năm 1975 đến nay, ở Việt Nam chưa có NHTM nào tuyên bố phá sản. Và cả thị trường dường như đều có chung niềm tin rằng sẽ không bao giờ

có chuyện này xảy ra. Nhưng niềm tin đó liệu có còn đúng, khi trong một số văn bản của NHNN đã xuất hiện cụm từ “phá sản”? [20].

Trong lịch sử, đây cũng không phải là lần đầu NHNN xử lý các ngân hàng yếu kém. Quay ngược trở lại giai đoạn khủng hoảng ngân hàng vào những năm 1990, có khá nhiều NHTM đã được đưa vào diện kiểm soát đặc biệt. Nhiều ngân hàng tiến hành sáp nhập, hợp nhất, mua lại đổi tên, thậm chí giải thể. Kết quả là số lượng NHTM cổ phần giảm từ 51 (năm 1997) xuống còn 39 (năm 2001). Ngược lại, cũng không ít ngân hàng được vực dậy và phát triển trở lại sau cuộc khủng hoảng như Eximbank, VP Bank hay Maritime Bank. Tuy nhiên, có sự khác biệt lớn giữa hai giai đoạn. Hiện nay, NHNN đã mở lối cho những ngân hàng yếu kém không thể tái cấu trúc được, cho dù có sự giúp đỡ của NHNN, thì buộc phải phá sản.

Phá sản một ngân hàng thường không đơn giản. Bởi điều khác biệt lớn nhất giữa một ngân hàng và doanh nghiệp phi tài chính là hệ thống người gửi tiền và sự liên hệ chặt chẽ giữa các ngân hàng với nhau. Vì thế, phá sản ngân hàng là lựa chọn cuối cùng, khi những nỗ lực xử lý trước đó của NHNN không thành công. Bước đi đầu tiên và dễ dàng nhất là bơm tiền để các ngân hàng yếu kém duy trì hoạt động với hy vọng chúng sẽ cải thiện được tình hình. Tuy nhiên, đây là biện pháp tốn kém và khó giải quyết được gốc rễ của vấn đề. Bài học từ Thái Lan cho thấy, để có tiền hỗ trợ hệ thống ngân hàng, ngoài việc phát hành một lượng trái phiếu khổng lồ, Thái Lan đã 2 lần vay mượn Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tới 20 tỉ USD. Kết quả, Ngân hàng Trung ương Thái Lan đã thực hiện sáp nhập và quốc hữu hóa 6 NHTM, 12 công ty tài chính, đồng thời đóng cửa 1 NHTM và 56 công ty tài chính.

Mọi chuyện sẽ rất tốt đẹp nếu như xử lý thành công các TCTD mất khả năng thanh toán bằng những con đường hợp nhất, sáp nhập. Nếu không Nhà nước cũng phải chấp nhận để ngân hàng phá sản. Khi một ngân hàng nộp thủ

tục xin phá sản, phần tiền thu được từ việc thanh lý tài sản sẽ được trả cho các chủ nợ theo thứ tự ưu tiên: cơ quan thuế, người gửi tiền, các TCTD trên thị trường liên ngân hàng, người sở hữu trái phiếu của ngân hàng, các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ và cuối cùng là cổ đông của ngân hàng.

Và lấy lý do bảo vệ người gửi tiền cổ đông lớn ở những ngân hàng yếu kém chưa kịp tẩu tán tài sản thường có xu hướng trì hoãn sự can thiệp của Nhà nước hoặc yêu cầu hỗ trợ thanh khoản, với lý do đảm bảo các khoản tiền gửi cho dân chúng. Lý do này có hoàn toàn thuyết phục?. Hãy xem xét Habubank trước khi sáp nhập. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2012 cho thấy ngân hàng này có tổng tài sản hơn 34.600 tỉ đồng. Như vậy, trong trường hợp phá sản, giả định tài sản của Habubank được thanh lý với mức giá chiết khấu 50%, số tiền thu về đã đủ để chi trả cho người gửi tiền, mà chưa cần sử dụng đến phần BHTG 50 triệu đồng/tài khoản. Tất nhiên, những phân tích này đều dựa trên giả định đơn giản, bởi thực tế Habubank phá sản còn ảnh hưởng tới thanh khoản của các ngân hàng khác, do liên quan đến các khoản tiền gửi, tiền vay trên thị trường liên ngân hàng và tác động tâm lý đến thị trường. Điều đáng nói ở đây là lý do bảo đảm tiền gửi là chưa hợp lý. NHNN hoàn toàn có thể đứng ra cam kết trả lại toàn bộ tiền gửi cho người dân, sau khi đã bán xong Habubank, tương tự như cách Cơ quan BHTG Mỹ (FDIC) đã làm với các ngân hàng của nước này. Quan trọng hơn, dù có cho phá sản ngân hàng hay không thì một bài học lớn từ các nước đi trước là NHNN phải kiểm soát chặt chẽ các khoản ra vào của một ngân hàng đã nằm trong danh sách giám sát, thậm chí phải phong tỏa tài sản.

Tương tự như việc phá sản ở Mỹ. Giai đoạn 2008 - 2012, FDIC đã cho đóng cửa 465 TCTD, phần lớn có quy mô nhỏ. Các khoản tiền gửi, tiền vay, chi nhánh đều được nhập vào một ngân hàng khác và FDIC chấp nhận hứng

chịu một phần lỗ. Việc phá sản ngân hàng, vì thế, có thể sẽ không dễ nhìn thấy như việc phá sản một doanh nghiệp thông thường.

Quy định về vấn đề này, NHNN đã ban hành Nghị định 05/2010/NĐ-CP quy định việc áp dụng luật phá sản đối với các TCTD. Theo đó điều kiện xác định NHTM lâm vào tình trạng phá sản là NHTM không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu, sau khi NHNN đã có văn bản không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng kiểm soát đặc biệt. Cũng giống các doanh nghiệp khác, thủ tục phá sản áp dụng đối với NHTM lâm vào tình trạng phá sản gồm 4 bước: Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản; phục hồi hoạt động kinh doanh; thanh lý tài sản, các khoản nợ và tuyên bố phá sản. Tòa án nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản đối với NHTM.

Trong thủ tục phá sản có giai đoạn *“thanh lý tài sản và các khoản nợ”* trước khi ngân hàng bị *“tuyên bố phá sản”*. Như vậy, tiền của người gửi được coi là một khoản nợ của ngân hàng, trong quá trình thanh lý tài sản và các khoản nợ, cơ quan thanh lý phải tính toán đến việc trả tiền cho người gửi.

Ngoài ra, Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật BHTG: *“BHTG là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được BHTG trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi tổ chức tham gia BHTG lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản”*. Như vậy, đối với trường hợp NHTM bị phá sản, ngoài việc hoàn trả tiền của người gửi tiền theo thủ tục thanh lý tài sản và các khoản nợ của Luật phá sản, người gửi tiền còn được thanh toán tiền gửi theo quy định của Luật BHTG.

2.2.4. Pháp luật về cơ quan bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại ngân hàng thương mại

Điều 58 Hiến pháp 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001 và Hiến pháp 2013 có ghi nhận quyền tự do sở hữu tài sản của công dân. Điều 163 Bộ luật Dân

sự 2005 có quy định: “*Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản*”. Như vậy, tiền là một loại tài sản và công dân có quyền tự do sở hữu loại tài sản đặc biệt này. Khi là chủ sở hữu của một số tiền nhất định, công dân có cả ba quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với số tiền đó.

Chính Phủ là cơ quan quản lí có thẩm quyền chung, quản lí tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có vấn đề tài chính, tiền tệ. Chính phủ có thẩm quyền ban hành Nghị định, thể chế hóa các quy định của Hiến pháp, Luật, đưa các quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền của Quốc hội vào cuộc sống. Ví dụ, sau khi Quốc hội ban hành Luật BHTG 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định 68/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn Luật đó. Chính phủ có trách nhiệm giám sát hoạt động của các cơ quan trực thuộc như NHNN Việt Nam, tổ chức BHTG...về vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

NHNN Việt Nam là cơ quan ngang bộ trực thuộc Chính phủ, quản lí lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. NHNN có nhiệm vụ điều hành và phát triển thị trường tiền tệ, vị trí ngân hàng của các TCTD. Vì thế, NHNN giám sát các NHTM và các TCTD khác trong việc kinh doanh tiền tệ nói chung, bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền nói riêng. Dưới sự chỉ đạo, quản lí của NHNN, trong thời gian qua nhiều NHTM sáp nhập, hợp nhất, mua lại nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền.

Vai trò của NHNN trong vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn được ghi nhận trong Luật BHTG. Theo khoản 8 Điều 2 Luật này thì “*NHNN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về BHTG*”

Ngoài ra, NHNN còn thực hiện hoạt động thanh tra về BHTG, đảm bảo các chủ thể liên quan thực hiện đúng các quy định của Luật BHTG nhằm bảo vệ hệ thống tài chính quốc gia và quyền lợi của người gửi tiền.

Hệ thống Tòa án

Tòa án là cơ quan tài phán công, căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra phán quyết công bằng đối với các bên tranh chấp. Trình tự và thủ tục giải quyết tuân thủ theo pháp luật về tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự 2004, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận mới được coi là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Đối với tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM có đặc điểm: chủ thể là NHTM có mục đích lợi nhuận, nhưng người gửi tiền thường là các cá nhân có mục đích là đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng. Mặc dù, một số lượng lớn khách hàng có gửi tiền tiết kiệm và hưởng lãi nhưng đó chỉ là hình thức “*hưởng hoa lợi, lợi tức*” tức là thực hiện quyền sử dụng tài sản đặc biệt của mình. Vì vậy, hợp đồng gửi tiền giữa người gửi tiền và NHTM là hợp đồng dân sự theo nghĩa hẹp. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại Tòa án giữa người gửi tiền và NHTM là giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự.

Hệ thống Tòa án ở Việt Nam hiện nay được chia thành ba cấp: cấp huyện, cấp tỉnh và tối cao, tòa án quân sự và tòa án đặc biệt. Tuy nhiên, giải quyết tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM chỉ gồm tòa án nhân dân ba cấp.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án cấp huyện hoặc cấp tỉnh. Trong trường hợp vụ tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện thì Tòa án cấp huyện có thẩm quyền sẽ ra quyết định thành lập hội đồng xét xử vụ tranh chấp đó. Trường hợp vụ tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh thì Tòa Dân sự thuộc tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết.

Tổ chức BHTG

Tổ chức BHTG có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Văn bản pháp luật đầu tiên quy định về vấn đề BHTG là Nghị định số 89/1999/NĐ-CP. Nghị định này đã quy định các nội dung cơ bản cho hoạt động BHTG ở Việt Nam. Các qui định này có nhiều điểm tiến bộ, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thi hành, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhiều quy định của Nghị định này không còn phù hợp với thực tế nữa, việc ban hành Luật BHTG là cần thiết để khắc phục những bất cập của quy định pháp luật BHTG hiện hành và nâng cao giá trị pháp lý của pháp luật BHTG, giúp cho hoạt động BHTG hoạt động hiệu quả hơn, nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Ngày 18/06/2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật BHTG. Luật này quy định những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, mục tiêu của BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

Hai là, Luật BHTG xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về BHTG là Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời Luật cũng xác định rõ trách nhiệm quản lý Nhà nước về BHTG của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước có những nhiệm vụ sau: Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BHTG; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển BHTG ; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại , tố cáo về BHTG ; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc tham gia tổ chức quốc tế về BHTG của tổ chức BHTG ; ký kết thỏa thuận quốc tế hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về BHTG.

Ba là, chủ thể được BHTG chỉ là cá nhân mà không BHTG cho tiền gửi của hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh. Luật cũng xác định, tiền được bảo hiểm là tiền gửi Việt Nam đồng, không BHTG cho ngoại tệ.

Bốn là, Luật xác định tổ chức BHTG là tổ chức tài chính Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ. Tổ chức BHTG là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí.

Năm là, nhằm tránh rủi ro hao tổn quỹ BHTG, gây tác động xấu đến hiệu quả của hệ thống BHTG, Điều 31 Luật BHTG chỉ cho phép “Tổ chức BHTG được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước” mà không cho phép tổ chức BHTG được mở tài khoản và gửi tiền tại TCTD Nhà nước như quy định của pháp luật trước đây về BHTG. Về bản chất, tổ chức BHTG vẫn mang bản chất của một tổ chức bảo hiểm. Và do vậy, hoạt động của tổ chức BHTG vẫn cơ bản dựa theo nguyên lý của hoạt động bảo hiểm là bù đắp rủi ro theo cơ chế lấy số đông bù cho số ít. Tuy nhiên, BHTG là một hoạt động bảo hiểm mang đầy rủi ro, vì vậy, ít tổ chức bảo hiểm thương mại nào dám kinh doanh loại hình bảo hiểm này, và do vậy, Nhà nước phải đứng ra thành lập tổ chức BHTG để bảo vệ quyền lợi của công chúng khi họ gặp rủi ro về tiền gửi. Ở Việt Nam, theo khoản 1 Điều 29 Luật BHTG 2012 quy định “*tổ chức BHTG là “tổ chức tài chính do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ”*”. Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền là mục tiêu lớn nhất của BHTG. Người gửi tiền là những người rất dễ bị tổn thương nhưng lại không có khả năng tự bảo vệ mình, vì những thiệt hại của họ không đến từ chính bản thân họ mà đến từ rủi ro của những ngân hàng và các định chế tài chính kinh doanh bằng đồng tiền của họ. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi

của người gửi tiền, nhất là những người gửi tiền nhỏ, ít có khả năng tự bảo vệ cần phải có một tổ chức đứng ra bảo hiểm cho tiền gửi của họ. Và chính vì vậy, điểm đặc biệt của hình thức bảo hiểm này là người được bảo hiểm (người được hưởng quyền lợi bảo hiểm, cũng tức là người gửi tiền) không phải là người tham gia bảo hiểm và trả phí bảo hiểm mà là các tổ chức huy động tiền gửi. Và cũng vì vậy, BHTG trở thành hình thức bảo hiểm tham gia bắt buộc đối với các tổ chức có huy động tiền gửi của dân cư.

Ngoài ra còn các cơ quan, tổ chức khác trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại ngân hàng thương mại.

2.3.1. Những mặt đạt được

Để đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền góp phần bảo vệ quyền con người và đảm bảo sự an toàn của nền kinh tế, trong thời gian qua, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã nỗ lực hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiền. Bên cạnh đó, khi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đi vào cuộc sống, các chủ thể có liên quan đã cố gắng thực hiện nghiêm chỉnh. Chúng ta có thể kể tới những thành tựu chính trong thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền như sau:

Thứ nhất, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền , trong đó có pháp luật về BHTG ngày càng được hoàn thiện hơn.

Mục tiêu lớn nhất của BHTG là bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, là sợi dây kết nối giữa người gửi tiền và NHTM. Hiện nay, pháp luật về BHTG là nội dung quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Theo số liệu của BHTG Việt Nam (BHTGVN), từ năm 2000 đến nay đã chi trả đầy đủ, kịp thời cho 1622 người gửi tiền người gửi tiền tại 38 QTDND cơ sở trên địa bàn 11 tỉnh, thành phố với tổng số tiền khoảng 21 tỷ

đồng, đã củng cố niềm tin, giúp người dân yên tâm vào hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở kế thừa những ưu điểm và khắc phục những thiếu sót của Nghị định 89/1999/NĐ-CP về BHTG, Luật BHTG 2012 đã ra đời với những quy định tiến bộ gồm nhiều quy phạm ghi nhận quyền của người gửi tiền, quy định về cơ chế bảo vệ quyền của người gửi tiền, quy định về cơ chế xử phạt đối với chủ thể vi phạm quyền của người gửi tiền.... Những điểm tích cực của Luật BHTG thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, khắc phục những bất cập của hệ thống pháp luật về BHTG trong việc xác định trách nhiệm quản lý Nhà nước và thanh tra về bảo hiểm tiền gửi, Luật BHTG đã quy định rõ: NHNN chịu trách nhiệm trước chính phủ về quản lý BHTG và thực hiện chức năng thanh tra về BHTG. Việc quy định rõ ràng sẽ tránh được trường hợp đùn đẩy trách nhiệm hoặc tranh chấp về thẩm quyền của các cơ quan liên quan.

Hai là, Luật BHTG xây dựng Mô hình BHTG giảm thiểu rủi ro . Theo đó, Luật tiếp tục trao cho tổ chức BHTG chức năng giám sát từ xa trên cơ sở các thông tin nhận được từ NHNN và tổ chức tham gia BHTG nhằm phát hiện và báo cáo NHNN xử lý kịp thời những rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng, những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng; tổ chức BHTG được tham gia vào quá trình kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tham gia BHTG theo quy định của NHNN hay tham gia quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG theo quy định của Chính phủ. Quy định này đảm bảo cho tổ chức BHTG thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và xác định rõ giới hạn của tổ chức BHTG trong việc bảo đảm an toàn hệ thống tài chính tiền tệ quốc gia.

Ba là, để khắc phục những hạn chế của quy định pháp luật về chủ thể được BHTG, Luật BHTG quy định chỉ BHTG của người gửi tiền là cá nhân mà không bảo hiểm cho tiền gửi của hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư

nhân và công ty hợp danh. Hơn nữa, việc BHTG cho cả tổ chức không phù hợp với mục tiêu bảo vệ những người gửi tiền nhỏ lẻ, thiếu thông tin. Mặt khác, tiền gửi của các tổ chức mang tính luân chuyển cao, chủ yếu nhằm mục đích thanh toán chứ không nhằm mục đích gửi tiền tiết kiệm. Vì vậy, việc quy định bảo hiểm cho tiền gửi của tổ chức là không phù hợp với điều kiện của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Do đó, Luật BHTG quy định chủ thể được BHTG là cá nhân (Điều 18).

Bốn là, kế thừa các quy định pháp luật về BHTG, Luật BHTG quy định tổ chức BHTG là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ. Tổ chức BHTG là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí.

Năm là, để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức BHTG phải có được những thông tin cần thiết về các tổ chức tham gia BHTG. Vì vậy, Luật BHTG đã quy định Chương V về Hoạt động thông tin, báo cáo, theo đó quy định cụ thể về trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin của tổ chức BHTG và vấn đề cung cấp thông tin của NHNN.

Sáu là, nhằm tránh rủi ro hao tổn quỹ BHTG, gây tác động xấu đến hiệu quả của hệ thống BHTG, Luật BHTG chỉ cho phép “*Tổ chức BHTG được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN*” (Điều 31) mà không cho phép tổ chức BHTG được mở tài khoản và gửi tiền tại TCTD nhà nước như quy định của pháp luật trước đây về BHTG.

Bảy là, nhằm đảm bảo tính linh hoạt khi áp dụng phí BHTG và hạn mức trả tiền bảo hiểm trong điều kiện nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ nhanh, Luật không quy định một mức phí hay một khung phí cứng mà trao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí BHTG và hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của NHNN. Căn cứ vào khung phí BHTG,

NHNN quy định mức phí BHTG cụ thể đối với tổ chức tham gia BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này.

Tám là, thời điểm tổ chức BHTG có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền.

Theo quy định của Luật Các TCTD 2010, TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền nhận tiền gửi của cá nhân, vì vậy hai loại hình này phải tham gia BHTG bắt buộc.

Việc xác định thời điểm trả tiền bảo hiểm phù hợp thể hiện cam kết của Nhà nước đối với người dân trong việc đảm bảo chi trả ngay lập tức khoản tiền bảo hiểm trong hạn mức BHTG cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG đổ vỡ nhằm củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống ngân hàng, hạn chế hiện tượng rút tiền hàng loạt tại tổ chức tham gia BHTG, qua đó giảm thiểu tình trạng mất khả năng thanh toán của ngân hàng, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống ngân hàng.

Như vậy, để đảm bảo đạt được mục tiêu của Luật BHTG và phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD 2010, thời điểm tổ chức BHTG có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm được quy định cụ thể tại Điều 22: *“Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà TCTD là tổ chức tham gia BHTG vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc NHNN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia BHTG mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.”*

Thứ hai, các quy định về phòng tránh rủi ro và đảm bảo an toàn cho hệ thống tín dụng nhằm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền có nhiều thành tựu đáng kể. Trong thời gian qua, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm đưa ra các thông số để lường trước vấn đề rủi ro, trên cơ

sở đó tìm các giải pháp nhằm hạn chế và loại trừ rủi ro đối với hệ thống tín dụng. Với những nỗ lực này, bước đầu tạo điều kiện để hệ thống tín dụng phát triển lành mạnh, tránh sự sụp đổ tạo nên phản ứng dây chuyền cho hệ thống kinh tế quốc gia và bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Các con số đã được các chuyên gia kinh tế, pháp luật... tính toán về cơ bản khoa học và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2.3.2. Những hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được kể trên, do nhiều nguyên nhân khác nhau các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn nhiều bất cập, hạn chế. Cụ thể có thể kể tới những hạn chế sau:

Thứ nhất, hạn chế của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ở nước ta là chưa được nhất thể hóa trong văn bản pháp luật riêng biệt. Hiện nay, các quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền được quy định trong Bộ Luật Dân sự, Luật các TCTD, Luật BHTG, Luật bảo vệ người tiêu dùng... Các quy định nằm rải rác ở nhiều văn bản luật khác nhau, điều này gây khó khăn cho cơ quan áp dụng pháp luật. Khi cần sử dụng các quy phạm pháp luật để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, người gửi tiền, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và kể cả là NHTM phải “nhặt” các quy định ở nhiều văn bản. Thực tế, không phải chủ thể nào cũng có khả năng tìm đủ các quy định nằm rải rác để thực hiện nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thứ hai, chưa xây dựng được văn hóa tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Thực tế ở Việt Nam, quyền con người trên tất cả các lĩnh vực mặc dù về cơ bản đã được ghi nhận và có cơ chế bảo vệ nhưng văn hóa tôn trọng quyền con người chưa được xây dựng. Ngay kể cả chủ thể mang quyền cũng không ý thức được vấn đề này. Quyền của người gửi tiền là một trong những nội dung của quyền con người cũng không tránh khỏi thực trạng này.

Thứ ba, hiện nay mới chỉ có Thông tư 04/2010/TT-NHNN quy định về sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD, chưa có quy định riêng về chia, tách, giải thể và phá sản các TCTD. Như vậy, có thể nói hệ thống pháp luật quy định về các trường hợp chấm dứt hoạt động của NHTM nói riêng, TCTD nói chung còn sơ sài. Vì thế, những quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong những trường hợp này cũng chưa thành hệ thống thống nhất và chi tiết.

Thứ tư, pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM hiện nay chưa tính đến đặc thù của lĩnh vực này. Quan hệ hợp đồng vay – cho vay tài sản giữa NHTM và người gửi tiền có đặc thù là chủ thể không cân xứng về trình độ hiểu biết và khả năng tiếp cận, phân tích thông tin. NHTM được đánh giá là chủ thể có trình độ hiểu biết pháp luật, khoa học công nghệ thường cao hơn nhiều so với người gửi tiền vì thế họ là bên thế mạnh. Họ có đủ kiến thức, cơ chế để bảo vệ mình trong cuộc tranh chấp. Người gửi tiền được đánh giá là bên thế yếu về trình độ hiểu biết và khả năng tự bảo vệ mình. Và khi xảy ra tranh chấp họ khó có khả năng để đưa ra các dẫn chứng chứng minh NHTM vi phạm. Trong trường hợp này họ cần có sự giúp đỡ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các chuyên gia để lấy cái chứng cứ. Tuy nhiên, pháp luật hiện nay chưa có quy định nào về sự hỗ trợ này cho người gửi tiền.

Thứ năm, quá trình triển khai những quy định của pháp luật về BHTG còn nhiều khó khăn.

Nguyên tắc triển khai pháp luật nói chung, Luật BHTG nói riêng là những quy định của Luật đã rõ ràng, cụ thể cần nhanh chóng triển khai, áp dụng ngay khi Luật có hiệu lực thi hành. Những quy định cần được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN hướng dẫn thực hiện cần ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời đảm bảo khi Luật có hiệu lực có thể thực hiện được ngay. Tuy nhiên khi đưa vào thực hiện Luật BHTG hiện nay vẫn còn tồn tại

một số hạn chế trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Ở vị trí người gửi tiền họ thường quan tâm đến đối tượng được hưởng bảo hiểm, loại tiền gửi được bảo hiểm, hạn mức chi trả tiền bảo hiểm và khi nào họ được chi trả bảo hiểm. Về loại tiền gửi được bảo hiểm: việc xác định loại tiền gửi nào được bảo hiểm phụ thuộc vào chính sách tiền tệ, trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng và tiến trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Nhằm phản ánh mục tiêu của chính sách BHTG, hầu hết các quốc gia đều quy định rõ loại tiền gửi nào được bảo hiểm và loại tiền gửi nào không được bảo hiểm. Quy định này hết sức quan trọng và cần thiết vì nó liên quan trực tiếp đến việc tính phí BHTG và xác định người gửi tiền mà chính sách BHTG sẽ bảo vệ trực tiếp qua chi trả tiền bảo hiểm. Ở nước ta, tiền gửi được bảo hiểm bao gồm “tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia BHTG dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật các TCTD”. Tiền gửi không được bảo hiểm là ngoại tệ, vàng. Trên thực tế hiện nay lượng huy động vốn bằng ngoại tệ có tỷ lệ đáng kể vậy quyền sở hữu hợp pháp của họ đối với ngoại tệ có được thừa nhận?. Nhiều quan điểm cho rằng không bảo vệ ngoại tệ để thực hiện việc chống đôla hóa. Theo tác giả, việc chống đôla hóa không đồng nghĩa với việc cấm gửi đôla mà phải cấm trong giao dịch thanh toán dân sự. Mặt khác Việt Nam đã gia nhập WTO, mở cửa thị trường, các chủ thể trong và ngoài nước sử dụng phương tiện thanh toán tại NHTM ngày càng tăng do vậy quyền và lợi ích của họ cần được bảo vệ. Nước ta cũng đang kêu gọi và khuyến khích kiều bào gửi tiền về và trên thực tế giá trị ngoại hối về nước không ngừng tăng, không bảo vệ ngoại tệ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút các nguồn vốn ngoại tệ từ cá nhân, tổ chức gửi về Việt Nam

Về hạn mức chi trả: chi trả tiền bảo hiểm là sự khẳng định để nhận biết nhất về quyền lợi của người gửi tiền được đảm bảo. Việc chi trả kịp thời, thuận tiện cho người gửi tiền sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự an tâm của dân chúng với các ngân hàng khác chưa bị đổ vỡ và có thể giảm thiểu rủi ro khủng hoảng hệ thống bất thường. Theo Điều 24 Luật BHTG thì hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ. Theo quy định của Luật BHTG, thì hạn mức chi trả do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của NHNN trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, con số này khi xây dựng phải tính đến các yếu tố như thu nhập bình quân đầu người; tỷ lệ người gửi tiền được bảo vệ... Trong thời điểm hiện tại, các quy định về phí bảo hiểm tiền gửi, số tiền gửi bảo hiểm được trả tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999 về bảo hiểm tiền gửi và Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/8/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 89/1999/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định về khung phí bảo hiểm tiền gửi, hạn mức trả tiền bảo hiểm theo quy định của Luật BHTG. Tổ chức BHTG sẽ chi trả tiền bảo hiểm cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của mỗi khách hàng tại một tổ chức tham gia BHTG tối đa là 50 triệu đồng (bao gồm cả gốc và lãi). Nếu khoản tiền gửi được bảo hiểm (bao gồm cả tiền gốc và lãi) của bạn vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm (hiện nay vượt hơn mức 50 triệu đồng) thì sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng giá tiêu dùng như hiện nay, tỷ lệ lạm phát trong 9 năm vừa qua, hạn mức này đã trở nên không phù hợp, không có ý nghĩa do không bảo vệ

được đa số người gửi tiền tiết kiệm. Khi xảy ra hiện tượng mất khả năng chi trả của các TCTD, người gửi tiền chỉ được chi trả tối đa 50 triệu đồng là con số quá ít so với thu nhập bình quân đầu người ở nước ta hiện nay – khoảng 1.200 USD, tương đương 25 triệu đồng. Ở Việt Nam, tỷ giá ngoại tệ có xu hướng tăng. Chúng ta cũng đang phấn đấu tăng thu nhập quốc nội bình quân đầu người. Với tính chất dự báo của chính sách, hạn mức chi trả của BHTGVN được coi là phù hợp nếu tăng lên ở mức 200 triệu đồng. Khi nâng mức chi trả BHTG lên tiếp cận với số tiền được gửi sẽ có ý nghĩa tạo niềm tin ở người gửi tiền.

Trên cơ sở rà soát các nội dung của Luật, dự kiến danh mục văn bản hướng dẫn Luật BHTG gồm 01 Nghị định của Chính phủ, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và NHNN và 01 Thông tư của NHNN để hướng dẫn các điều khoản cụ thể của Luật. Tuy nhiên, tính đến nay, Luật BHTG đã có hiệu lực hơn một năm nhưng các văn bản hướng dẫn các quy định của Luật BHTG chưa đầy đủ. Mới chỉ có Nghị định 68/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG. Các quy định về cách tính phí BHTG, hạn mức trả BHTG, cơ cấu tổ chức của tổ chức BHTG, chế độ tài chính của BHTG là những nội dung quan trọng nhất của Luật BHTG nhưng chưa được hướng dẫn cụ thể. Điều này gây khó khăn cho việc đưa quy định của Luật BHTG vào cuộc sống.

Thứ sáu, hợp đồng gửi tiền chưa rõ ràng. Bản chất của việc gửi tiền tại NHTM là một loại hợp đồng vay tài sản, trong đó bên vay là NHTM, bên cho vay là người gửi tiền. Thực tế hiện nay, hoạt động này không có văn bản hợp đồng cụ thể. Ví dụ, đối với hoạt động gửi tiền tiết kiệm, người gửi tiền đến quầy giao dịch của NHTM, điền các thông tin vào một tờ mẫu mà ngân hàng cung cấp, sau đó các giao dịch viên điền các thông tin đó vào phần mềm quản lý của ngân hàng, và cuối cùng giao dịch viên đưa cho người gửi tiền một “sổ

tiết kiệm”. Trên “*sổ tiết kiệm*” có ghi một số thông tin cơ bản như họ tên khách hàng, chứng minh thư nhân dân của khách hàng, số tiền gửi, kỳ hạn gửi và một số điều khoản thường là để bảo vệ quyền lợi của NHTM. Hoặc ở các chi nhánh ngân hàng thương mại hiện nay có niêm yết hợp đồng tiền gửi tuy nhiên, nội dung của hợp đồng còn chung chung . Do trình độ hiểu biết còn thấp nên người gửi tiền thương ít quan tâm đến quyền lợi của mình khi gửi tiền, họ chấp nhận theo những điều khoản mà ngân hàng đưa ra, thậm chí có nhiều người còn không quan tâm đến những điều khoản đó.

Nếu xảy ra tranh chấp giữa NHTM và người gửi tiền thì hợp đồng là căn cứ đầu tiên và quan trọng nhất để giải quyết. Nhưng trong hợp đồng không ghi cụ thể quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Việc giải quyết quyền lợi cho người gửi tiền phải căn cứ vào quy chế riêng của NHTM. Như vậy, người gửi tiền vốn ở thế bất lợi, càng khó đưa ra các chứng cứ bảo vệ quyền lợi của mình khi có tranh chấp với NHTM.

Thứ bảy, thực tế kiến thức về pháp luật bảo vệ người gửi tiền của các nhân viên ngân hàng còn hạn chế. Những thành tựu đạt được trong việc bảo vệ người gửi tiền là do NHTM nỗ lực vì lợi ích của chính họ. Trong nhiều trường hợp, cán bộ ngân hàng vì tư lợi đã xâm hại quyền của người gửi tiền . Những hành vi vi phạm chủ yếu là chuyên viên ngân hàng thường làm giả giấy tờ , chứng từ, không nhập số tiền gửi của khách hàng vào hệ thống quản lý ngân hàng để chiếm đoạt số tài sản đó. Hoặc có trường hợp có nhập hệ thống nhưng nhập ít hơn số thực khách hàng gửi và chiếm đoạt số tiền chênh lệch

Ví dụ điển hình cho hành vi này này là trường hợp Nguyễn Thanh Hà, cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tam Trinh đã làm giả chứng từ của 51 khách hàng và 59 món tiền gửi tiết kiệm, không nhập kho quỹ và không hạch toán vào hệ thống của ngân hàng để chiếm đoạt gần 2 tỷ đồng... [4].

Trong trường hợp, lợi ích của ngân hàng và lợi ích của người gửi tiền mâu thuẫn, NHTM sẽ vi phạm lợi ích của người gửi tiền. Trong nền kinh tế hiện đại, mục tiêu lớn nhất của toàn xã hội là tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, các đối tác cùng tôn trọng quyền và lợi ích của nhau.

Thứ tám, một số ngân hàng còn cố tình thực hiện sai hay thực hiện không đầy đủ quy định của pháp luật BHTG, nhất là trong công tác kiểm tra tại chỗ của tổ chức BHTG. Một sai phạm thường gặp nữa là trong việc nộp phí BHTG. Đó là tình trạng nộp thừa hay cố tình trốn tránh không nộp phí BHTG, nộp phí không đầy đủ, không đồng bộ.

Thứ chín, các quy định pháp luật về phòng tránh rủi ro bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn nhiều vướng mắc. Đảm bảo an toàn cho hệ thống tín dụng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế xã hội và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Tuy nhiên, hiện nay các quy định về phòng tránh rủi ro cho hệ thống tín dụng chưa được quan tâm đúng mức. Các quy định này nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, mà chủ yếu là các văn bản dưới luật, do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Như vậy, vấn đề phòng tránh rủi ro cần được quy định trong văn bản luật để thể hiện rõ vai trò của nó đối với nền kinh tế quốc gia và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Hơn nữa, cơ quan Nhà cần đưa ra các tiêu chí để xác định các thông số về rủi ro, các thông số này cần được quy định định lượng.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Những hạn chế nêu trên trong thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

2.3.3.1. Những nguyên nhân chủ quan:

Thứ nhất, do chính các NHTM.

Hiện nay, ý thức về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền của các NHTM chưa cao. Nhiều trường hợp họ đặt lợi ích của ngân hàng lên trên tất cả. Bản chất của việc ngân hàng đưa ra các biện pháp bảo vệ quyền lợi người gửi tiền với mục đích cuối cùng là vì lợi ích của ngân hàng. Để phát triển một nền tài chính ổn định, bền vững, trong tương lai các NHTM phải gắn quyền lợi người gửi tiền với lợi ích của ngân hàng.

Đối với việc đóng phí BHTG, trong nhiều trường hợp ngân hàng chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, nguyên nhân là do họ không muốn công khai hoạt động của mình nên cách tính phí không được chính xác, hoạt động thanh tra của cơ quan Nhà nước không đạt hiệu quả.

Thứ hai, do hạn chế về trình độ khoa học công nghệ và khả năng tiếp cận thông tin.

Hoạt động bảo vệ quyền lợi người gửi tiền không thể không sử dụng khoa học công nghệ. Ví dụ, các thông tin về hoạt động của ngân hàng công khai trên các Website, việc tính toán lãi suất gửi tiền, tính phí BHTG,... Ở nước ta hiện nay, trình độ khoa học công nghệ của người dân nói chung còn thấp. Đặc biệt, đối với người gửi tiền ở NHTM, phần lớn họ là những người khá lớn tuổi, họ có một số tiền mang gửi tiết kiệm tại các ngân hàng để hưởng lãi suất, số tiền lãi để sử dụng cho sinh hoạt, tiêu dùng hàng ngày. Những người ở khoảng lứa tuổi này, trình độ hiểu biết về khoa học công nghệ thường kém nên khó tiếp cận với thông tin bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Vì thế họ khó có khả năng đề tự bảo vệ mình trước sự xâm phạm của các chủ thể khác. Ngay cả cán bộ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không phải ai cũng có trình độ khoa học công nghệ để kiểm soát hoạt động bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thứ ba, do hoạt động kém hiệu quả trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý của các cơ quan chức năng.

Các cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam hiện nay còn xem nhẹ vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Trong nhiều trường hợp phát hiện ra vi phạm về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý chưa mạnh tay nên không răn đe, giáo dục được chủ thể vi phạm. Ngoài ra, do trình độ về pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn hạn chế nên trong nhiều trường hợp cơ quan chức năng không phát hiện được những sai phạm. Ví dụ như, trong trường hợp tính phí BHTG của các NHTM, đòi hỏi cán bộ của cơ quan thu phí phải đạt trình độ nhất định về nghiệp vụ ngân hàng và nghiệp vụ kế toán.

2.3.3.2. Những nguyên nhân khác quan

Thứ nhất, do các văn bản quy phạm pháp luật.

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là một lĩnh vực pháp luật mới ở nước ta. Trong khoảng một thập niên trở lại đây do nền kinh tế hàng hóa thị trường phát triển, các thiết chế tài chính tư mới có cơ hội phát triển, cùng với đó xuất hiện những người gửi tiền và quyền lợi của người gửi tiền dần được cơ quan Nhà nước và các chủ thể khác trong xã hội quan tâm và tìm cơ chế bảo vệ. Vì là lĩnh vực pháp luật mới nên còn nhiều hạn chế và bất cập. Hạn chế và bất cập lớn nhất của hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là chưa được pháp điển hóa. Các quy định còn nằm rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau.

Các quy phạm pháp luật quan trọng nhất về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền hiện nay là quy phạm pháp luật về BHTG. Tuy nhiên, vấn đề BHTG lần đầu tiên được ghi nhận một cách chính thức trong Nghị định 89/1999/NĐ-CP sau đó Nghị định 109/2005/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 89/1999/NĐ-CP. Trong 10 năm qua, việc thực hiện BHTG được tiến hành chủ yếu dựa theo quy định của hai Nghị định này. Do khung pháp lý còn hẹp như vậy nên hoạt động BHTG còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập chưa

mang lại hiệu quả cao trong công tác bảo vệ sự an toàn của hệ thống tài chính và quyền lợi của người gửi tiền.

Để khắc phục những thiếu sót, bất cập của hệ thống pháp luật về BHTG, năm 2012, Quốc hội đã ban hành Luật BHTG. Luật BHTG ra đời tạo hành lang pháp lí tương đối đầy đủ cho hoạt động BHTG góp phần bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này Luật BHTG mới được thực thi khoảng hơn một năm. Với khoảng thời gian ngắn như vậy, các quy định mới về BHTG chưa đủ cơ hội để thể hiện vai trò bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thứ hai, do điều kiện về kinh tế xã hội

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, trình độ phát triển kinh tế-xã hội còn kém so với nhiều quốc gia trên thế giới. Vì thế, quyền con người nói chung và quyền lợi người gửi tiền nói chung chưa được quan tâm nhiều. Ngay kể cả chủ thể mang quyền là người gửi tiền cũng chưa ý thức được điều này. Dường như trong quan niệm của người gửi tiền hiện nay họ luôn nghĩ rằng, NHTM là người mang lại lợi ích cho họ. Thực tế, trong quan hệ hợp đồng vay tài sản này, cả hai bên chủ thể đều có lợi ích trong đó. Vì thế, không chỉ có người gửi tiền có nghĩa vụ tôn trọng quy chế của NHTM mà ngược lại NHTM cũng phải tôn trọng quyền lợi người gửi tiền.

Trong năm 2011, 2012, chưa bao giờ lãi suất NHTM huy động trong dân lại cao như thế. Có lúc có ngân hàng huy động lãi suất 17%/ năm, 18%/năm, 19%/năm, khi cơ quan Nhà nước đưa ra các văn bản pháp quy yêu cầu các ngân hàng không chạy đua tăng lãi suất huy động vốn cao như vậy thì có ngân hàng trả hình bằng cách tính lãi suất thấp nhưng đưa ra các hình thức khác như “thưởng khách hàng thân thiện”, “tặng quà”... Trong hoàn cảnh như vậy, do thiếu hiểu biết, thấy lãi suất cao, nhiều người dân mang tiền đi gửi tại các NHTM. Có nhiều người còn tính toán “không sản xuất kinh doanh nữa vì

lợi nhuận không cao bằng lãi suất gửi NHTM”. Thực tế, trong trường hợp đó, NHTM không phải là vì quyền lợi người gửi tiền. Nếu cuộc chạy đua đó kéo dài, thì hậu quả đối với thị trường tài chính là khôn lường. Việc các tổ chức tài chính nói chung, NHTM nói riêng mất khả năng thanh toán hoàn toàn có thể xảy ra. Vậy khi đó quyền lợi mà người gửi tiền mất sẽ rất lớn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong Chương 2, tác giả đã phân tích thực trạng của pháp luật hiện nay về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại các NHTM. Trong thời gian gần đây để tăng cường công tác bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã nỗ lực rất nhiều trong việc xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lí cho hoạt động này. Hoạt động thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Bên cạnh đó, Chương 2 của luận văn cũng chỉ rõ những mặt còn tồn tại, vướng mắc trong thực trạng pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Luận văn cũng tìm ra nguyên nhân dẫn đến những yếu kém đó. Đây chính là cơ sở để tác giả đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ở Chương 3 của luận văn.

Chương 3: KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VÀ THỰC THI HIỆU QUẢ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI GỬI TIỀN.

3.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

3.1.1. Định hướng hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Như đã phân tích ở trên, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền góp phần bảo vệ quyền con người nói chung và đảm bảo cho hệ thống tài chính quốc gia phát triển ổn định, NHTM hoạt động lành mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Có nhiều biện pháp để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền (biện pháp kinh tế, biện pháp pháp lý...). Trong đó biện pháp pháp lý là công cụ hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền cần được hoàn thiện theo định hướng sau:

Thứ nhất, khắc phục những bất cập của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền tại ngân hàng thương mại.

Hiện nay, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền chưa được quy định thành văn bản pháp luật chuyên biệt. Các quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Những quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn nhiều bất cập, hạn chế. Vì vậy, để bảo vệ tốt hơn quyền lợi người gửi tiền, trong thời gian tới cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền phù hợp với pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Như đã phân tích ở trên, người gửi tiền là người tiêu dùng dịch vụ của ngân hàng thương mại. Vì vậy, khi xây dựng, hoàn thiện các quy định của

pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền cần thống nhất với pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tránh trường hợp chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật. Tính phù hợp thể hiện ở tất cả các phương diện: nguyên tắc bảo vệ, các quyền cơ bản, cơ chế bảo vệ, cơ quan bảo vệ, xử lý vi phạm trong trường hợp xâm hại quyền. Tuy nhiên, người gửi tiền là người tiêu dùng đặc biệt (bởi dịch vụ mà họ sử dụng đặc biệt) nên cũng cần có những quy định đặc thù về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền phù hợp với pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

Bảo hiểm tiền gửi hiện nay là công cụ hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Luật Bảo hiểm tiền gửi 2012 ra đời khắc phục những thiếu sót của hệ thống pháp luật về bảo hiểm tiền gửi trước đây. Khi những quy định này đi vào cuộc sống tạo cơ chế bảo vệ quyền lợi người gửi tiền được tốt hơn. Việc xây dựng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền cần thống nhất với pháp luật bảo hiểm tiền gửi, đảm bảo, hai đạo luật này cùng tạo ra các cơ chế sắc bén bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng.

Hiện nay, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là nhiệm vụ cấp bách góp phần bảo vệ quyền con người và đảm bảo sự phát triển lành mạnh của hệ thống tín dụng. Để làm được điều này cần có sự định hướng không chỉ với các chính sách kinh tế mà còn cả pháp luật nhằm tạo ra một nền kinh tế thị trường hoạt động hiệu quả trong khuôn khổ hành lang pháp lý hoàn thiện. Bởi lẽ, hệ thống pháp luật chính là một trong những dấu hiệu thể hiện trình độ phát triển của một quốc gia, của một nền kinh tế. Sự can thiệp của luật pháp chính là giúp tạo lập và duy trì trật tự, bảo đảm cho sự lành mạnh, tuân theo các quy luật vốn có của hoạt động thị trường. Chỉ có một hệ thống luật pháp thông thoáng đồng bộ sẽ giúp

cho hoạt động của mọi thành phần trong nền kinh tế trở nên thuận lợi trôi chảy và hiệu quả. Do đó, vấn đề hoàn chỉnh khung pháp lý về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ở Việt Nam cần được đặt ra để thu hút đầu tư trong và ngoài nước phù hợp với xu hướng của các nước tiên tiến trên thế giới.

Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, cần thiết phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền ở Việt Nam sao cho phù hợp hơn với thông lệ và chuẩn mực Quốc tế, đặc biệt là chuẩn mực về người gửi tiền các yêu cầu về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng nhằm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền... Để đạt được mục đích đó, trước hết phải nghiên cứu, nắm vững các nguyên tắc, chuẩn mực Quốc tế trong lĩnh vực này, bên cạnh đó cần vận dụng linh hoạt sao cho phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam, từng bước tiếp cận với những quy định quốc tế.

3.1.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền không chỉ đơn giản là tính toán đến vấn đề nếu có rủi ro thì quyền của người gửi tiền được bảo vệ như thế nào. Hơn thế nữa, các tổ chức, cá nhân trong xã hội cần phải nỗ lực để có những biện pháp tích cực tránh rủi ro xảy ra đối với người gửi tiền và hệ thống tài chính. Như đã phân tích ở trên, hiện nay vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Việc quy định như vậy tạo nên sự thiếu thống nhất trong các quy định, gây khó khăn cho việc áp dụng. Như vậy, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền cần được pháp điển hóa. Theo quan điểm tác giả, vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền cần được quy định trong một đạo luật riêng. Trong văn bản pháp luật này cần đảm bảo những quy định cơ bản như sau:

Thứ nhất, thống nhất khái niệm người gửi tiền.

Hiện này, công cụ hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đó là BHTG. Tuy nhiên, mục đích BHTG chỉ bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là cá nhân. Các nhà làm luật lý giải cho vấn đề này là do mục đích của BHTG là bảo vệ những người gửi tiền nhỏ lẻ, tiền gửi của một số tổ chức như hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh tiền gửi có tính luân chuyển cao chủ yếu nhằm mục đích thanh toán, không nhằm mục đích tiết kiệm nên không được bảo hiểm. Như vậy, cần có một cơ chế khác với cơ chế BHTG để bảo vệ quyền lợi của những chủ thể này. Bởi vì xét đến cùng họ cũng là chủ thể gửi tiền, nếu quyền lợi của họ bị xâm phạm thì dựa vào cơ chế nào để giải quyết?.

Từ sự phân tích trên tác giả mạnh dạn đưa ra đề xuất là cần thống nhất khái niệm người gửi tiền. Theo đó, *người gửi tiền là cá nhân, tổ chức có tiền gửi tại các TCTD nhằm các mục đích khác nhau.*

Thứ hai, cần quy định rõ quyền của người gửi tiền

Đây là nội dung quan trọng nhất của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Bởi vì, phải xác định được quyền của người gửi tiền, chúng ta mới xây dựng được cơ chế bảo vệ những quyền đó. Để phù hợp với thông lệ quốc tế, pháp luật nước ta cần ghi nhận người gửi tiền có những quyền sau: *quyền được thỏa mãn những nhu cầu gắn với khoản tiền gửi ; quyền được an toàn; quyền được cung cấp thông tin; quyền được lựa chọn; quyền được đại diện; quyền được khiếu nại, khởi kiện và bồi thường thiệt hại.*

Thứ ba, xây dựng cơ chế bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là cá nhân và tổ chức cần có những điểm riêng biệt. Người gửi tiền là cá nhân thường có mục đích gửi tiết kiệm và hưởng lãi suất, người gửi tiền là tổ chức thường có mục đích mở tài khoản thanh toán. Vì thế, khi xây dựng cơ chế bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, bên cạnh những quy định bảo vệ chung, nhà làm luật cần xây dựng những quy định riêng cho phù hợp với đặc điểm của từng chủ thể.

Thứ tư, hoàn thiện quy định của pháp luật về hợp đồng gửi tiền.

Như đã phân tích ở phần trước, việc gửi tiền hiện nay chưa có hợp đồng nên trong nhiều trường hợp xảy ra tranh chấp, người gửi tiền khó khăn trong việc đưa ra cơ sở pháp lý chứng minh vi phạm của NHTM. Lĩnh vực tài chính tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, sự sụp đổ của một tổ chức tài chính nào đó sẽ gây hậu quả khôn lường cho nền kinh tế. Để đảm bảo an toàn cho hệ thống huyết mạch của nền kinh tế quốc gia cần có nhiều giải pháp đồng bộ. Để góp phần đảm bảo sự an toàn này, quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng gửi tiền cần khắt khe, chặt chẽ. Tác giả đề xuất kiến nghị pháp luật phải quy định rõ: gửi tiền tại NHTM cần lập thành văn bản hợp đồng và nội dung thể hiện sự thỏa thuận của hai bên giữa người gửi và người nhận tiền.

Thứ năm, xây dựng các quy định về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong trường hợp NHTM chấm dứt hoạt động. Thực tế hiện nay, quy định về quyền của người gửi tiền trong các trường hợp ngân hàng chấm dứt hoạt động còn sơ sài. Chỉ có ba trường hợp về chấm dứt hoạt động có văn bản pháp luật quy định, đó là trường hợp sáp nhập và hợp nhất và phá sản NHTM. Tuy nhiên, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong trường hợp hợp nhất và sáp nhập NHTM cũng chưa chi tiết, cụ thể. Như vậy, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần ban hành quy định pháp luật chi tiết, cụ thể về vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong các trường hợp NHTM chấm dứt hoạt động.

Thứ sáu, pháp luật cần quy định rõ, đối với giải quyết tranh chấp giữa người gửi tiền và NHTM thì người gửi tiền được hỗ trợ để lấy chứng cứ. Việc hỗ trợ ở đây là hỗ trợ về khoa học công nghệ và pháp lý. Theo tác giả, khi có đơn khởi kiện tại cơ quan tài phán, cơ quan tài phán xem xét thụ lý đơn. Ngay sau giai đoạn này, cơ quan chức năng cần có biện pháp hỗ trợ người gửi tiền thu thập số liệu, dẫn chứng về vi phạm của NHTM. Việc hỗ trợ thu thập chứng cứ cho người gửi tiền là không thu phí hoặc nếu có thu phải đảm bảo

mức phí phù hợp với mục đích “*hỗ trợ*”. Trong trường hợp, người gửi tiền từ chối việc *hỗ trợ*, cơ quan Nhà nước mới bỏ qua giai đoạn này.

3.2. Kiến nghị nhằm thực thi hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Trong thời gian qua, pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã nỗ lực trong việc ban hành các văn bản pháp luật để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Tuy còn những bất cập cần hoàn thiện nhưng những thành tựu đạt được của hoạt động lập pháp về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội đến vấn đề này. Để các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, chúng ta cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Để pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đi vào cuộc sống và mọi người dân đều có ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh, NHNN cần có các kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến. Hình thức tuyên truyền, phổ biến cần được đa dạng hóa như (i) tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến ở 3 miền Bắc, Trung, Nam... với thành phần là các cán bộ của hệ thống NHNN, của BHTG Việt Nam, các NHTM, người gửi tiền...; (ii) tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi về pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, đặc biệt cần trao đổi về chuyên môn về nghiệp vụ bảo hiểm trên cơ sở các qui định của Luật BHTG; (iii) Đăng tải các bài giới thiệu, hỏi đáp nội dung pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền phù hợp với từng loại đối tượng dưới hình thức các ấn phẩm và trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài phát thanh, truyền hình, website... (iv) tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nội dung của pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền gửi tạo sân chơi giao lưu giữa các đơn vị liên quan như trong hệ thống BHTG và NHTM.

Thứ hai, nâng cao trình độ của cán bộ bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền có vai trò rất quan trọng trong việc thực thi pháp luật. Trong thực tế một số tổ chức, cá nhân sai sót do ý thức trách nhiệm, nhưng cũng có một số do nghiệp vụ còn yếu. Vì thế, hàng năm, ngân sách Nhà nước cần trích một khoản nhất định để chi phí cho những hoạt động nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ, trau dồi phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ được giao nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Kịp thời xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn chuyên sâu nội dung bảo vệ quyền lợi người gửi tiền cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền và những người có liên quan. Nội dung cơ bản nhất cần phải tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ là phổ biến các quy định liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, cách tính phí BHTG, thủ tục xử lý các cá nhân, tổ chức vi phạm quyền lợi người gửi tiền.

Thứ ba, hoàn thiện các văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết, cụ thể Luật BHTG.

Như đã phân tích, BHTG là công cụ quan trọng nhất trong việc bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Luật BHTG 2012 ra đời khắc phục những bất cập của hệ thống pháp luật trước đây. Để những quy định tiến bộ này đi vào cuộc sống, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần tiến hành xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật. Tuy nhiên, đến nay hệ thống văn bản này còn thiếu rất nhiều dẫn đến tình trạng khó áp dụng các quy định của Luật BHTG. Để khắc phục tình trạng này, trong thời gian tới, cơ quan chức năng cần khẩn trương tiến hành xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật BHTG.

Các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng văn bản hướng dẫn Luật BHTG bao gồm rà soát để lên danh mục các văn bản cần xây dựng để hướng dẫn Luật, dự kiến thời gian trình ban hành văn bản hướng dẫn và giao cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản hướng dẫn. Các đơn vị chủ trì xây dựng văn

bản hướng dẫn có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chất lượng và tiến độ xây dựng phù hợp. Cụ thể:

Một là, theo khoản 2 Điều 34 Luật BHTG quy định trách nhiệm của NHNN thực hiện theo quy định của Chính phủ: “*NHNN có trách nhiệm để tổ chức BHTG tiếp cận dữ liệu thông tin về tổ chức tham gia BHTG theo quy định của Chính phủ.*” Dự kiến Chính phủ sẽ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật BHTG.

Hai là, theo khoản 1 Điều 20 Luật BHTG quy định: “*Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí BHTG theo đề nghị của NHNN*”. Khoản 2 Điều 24 Luật BHTG quy định: “*Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của NHNN trong từng thời kỳ*”. Dự kiến Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Quyết định quy định khung phí BHTG và hạn mức trả tiền bảo hiểm.

Ba là, theo khoản 1 Điều 29 Luật BHTG quy định: “*Tổ chức BHTG là tổ chức tài chính do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ.*” Dự kiến Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của tổ chức BHTG.

Bốn là, theo khoản 2 Điều 20 Luật BHTG quy định: “*Căn cứ vào khung phí bảo hiểm tiền gửi, NHNN quy định mức phí BHTG cụ thể đối với tổ chức tham gia BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này.*” Vì vậy, Thống đốc NHNN cần ban hành Thông tư của NHNN quy định mức phí BHTG.

Năm là, theo khoản 2 Điều 32 Luật BHTG quy định: “*Chế độ tài chính của tổ chức BHTG do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN quy định*”.

Để triển khai qui định này Bộ Tài chính cần phối hợp với NHNN ban hành Thông tư quy định về chế độ tài chính của tổ chức BHTG.

Với việc tích cực triển khai các công việc nói trên, Luật BHTG sẽ được thực hiện một cách có hiệu quả, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những vướng mắc, bất cập phân tích ở Chương 2, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và thực thi hiệu quả pháp luật bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Theo đó, pháp luật cần có sự thống nhất khái niệm người gửi tiền, cần quy định rõ quyền của người gửi tiền, hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp đồng tiền gửi, xây dựng các quy định để bảo vệ quyền lợi người gửi tiền khi NHTM chấm dứt hoạt động và khi xảy ra tranh chấp giữa NHTM và người gửi tiền. Đồng thời, Nhà nước cần có biện pháp tuyên truyền phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật về bảo vệ người gửi tiền cho cán bộ ngân hàng và chính khách hàng gửi tiền. Những giải pháp này có thể làm tài liệu tham khảo cho cơ quan xây dựng và thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

KẾT LUẬN

Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền góp phần bảo vệ quyền con người và đảm bảo cho hệ thống tài chính hoạt động lành mạnh, ổn định sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Trong thời gian qua, cơ quan chức năng và toàn xã hội đã thể hiện sự quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Cơ quan Nhà nước đã nỗ lực ban hành các văn bản pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Các văn bản pháp luật này tạo hành lang pháp lý cho hoạt động bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trên thực tế. Trong những năm gần đây, với sự cố gắng của các chủ thể liên quan, thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, do là lĩnh vực pháp luật mới nên hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền còn sơ sài, các chủ thể trong xã hội chưa đánh giá đúng ý nghĩa của bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Với đề tài “*Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền tại ngân hàng thương mại theo pháp luật Việt Nam*”, luận văn đã phân tích rõ những vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Qua việc phân tích đó, luận văn đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện và thực thi hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trên thực tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bình (2011), *Những điểm mới của Luật bảo vệ người tiêu dùng 2010*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội;
2. Bộ tài chính (2001), *Thông tư số 27/2001/TT-BTC ngày 27/04/2001 về hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*;
3. Bộ Tư pháp(2011), *Đặc san Tuyên truyền pháp luật số 10/2011*;
4. *Cảnh báo tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng* , Báo 24h.com.vn, cập nhật Chủ Nhật, ngày 24/01/2010 10:45 AM (GMT+7).
5. Chính phủ (1999), *Nghị định số 89/1999/NĐ-CP về Bảo hiểm tiền gửi*;
6. Chính phủ (2005), *Nghị định số 109/2005/NĐ-CP ngày 24/08/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 về bảo hiểm tiền gửi*;
7. Chính phủ (2013), *Nghị định 68/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi*;
8. Đại học Quốc Gia Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật ngân hàng*, NXB Đại học Quốc gia;
9. Trương Thanh Đức (2011), *Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ ngân hàng*, Tạp chí Ngân hàng số 1 tháng 1/2011;
10. Viên Thế Giang (2007), *Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh của các tổ chức có hoạt động ngân hàng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học số 11/2007;
11. Hoàng Thị Hằng (2008), *Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 08/2009;
12. Vũ Hạnh, *Nhìn lại các vụ sáp nhập ngân hàng*, Báo VOV online – Đài tiếng nói Việt Nam, cập nhật thứ 2, 11:08, 15/04/2013;

13. TS. Nguyễn Am Hiểu (2011), *Mục đích của bảo hiểm tiền gửi và việc hoàn thiện cơ sở pháp lý*, Kỷ yếu hội thảo Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi do Ủy ban Kinh tế Quốc hội tổ chức ngày 23/08/2011;
14. *Luật Bảo hiểm tiền gửi 2012 – “Chiếc áo” vừa hơn*, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam – Viet Nam banks association, cập nhật 01:19 thứ sáu, 18/10/2013;
15. Ngân hàng Nhà nước (2010), *Thông tư 04/2010/TT-NHNN về sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD*, Hà Nội;
16. Ngân hàng Nhà nước(2010), *Thông tư số 13/2010/TT-NHNN quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD*;
17. Th.S Mai Thị Quỳnh Như, *Lợi nhuận ngân hàng và bài toán trích lập dự phòng rủi ro khó giải*, Website của Đại học Duy Tân, cập nhật 08:16:21 PM ngày 18/08/2014;
18. TS. Nguyễn Thị Kim Oanh (2005), *Nhu cầu đào tạo và nghiên cứu về bảo hiểm tiền gửi*, Tạp chí ngân hàng, số 09/2005;
19. TS. Nguyễn Thị Kim Oanh (2005), *Nhu cầu đào tạo và nghiên cứu về bảo hiểm tiền gửi*, Tạp chí ngân hàng, số 09/2005;
20. *Phá sản ngân hàng: Có hay không?*, Báo Economy, cập nhật 11:24 - Thứ Hai, 25/3/2013;
21. Quốc hội (1997), *Luật các tổ chức tín dụng*, Hà Nội;
22. Quốc hội (2001), *Nghị quyết 51/2001/QH10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội;
23. Quốc hội (2003), *Bộ Luật tổ tụng hình sự*, Hà Nội;
24. Quốc hội (2004), *Bộ Luật tổ tụng dân sự*, Hà Nội;
25. Quốc hội (2004), *Luật cạnh tranh*, Hà Nội;
26. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội;

27. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp*, Hà Nội;
28. Quốc hội (2006), *Luật đầu tư*, Hà Nội;
29. Quốc hội (2010), *Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Hà Nội;
30. Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng*, Hà Nội;
31. Quốc hội (2010), *Luật ngân hàng Nhà nước*, Hà Nội;
32. Quốc hội (2010), *Luật trọng tài thương mại*, Hà Nội;
33. Quốc hội (2012), *Luật bảo hiểm tiền gửi*, Hà Nội;
34. Quốc hội (2012), *Nghị quyết 38/2012/QH10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội;
35. Quốc hội (2013), *Luật bảo hiểm tiền gửi*, Hà Nội;
36. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội;
37. Thúy Sen, Duy Cường, *Khủng hoảng ngân hàng Northern Rock – Bài học không chỉ của “xứ sở sương mù”*, Tạp chí Tài chính thị trường tiền tệ số 9, tháng 5/2008;
38. TS. Đinh Dũng Sỹ (2005), *Bàn về chủ thể của Luật dân sự qua quy định về bảo hiểm tiền gửi của cá nhân ở các tổ chức tín dụng*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 02/2005;
39. TS. Đinh Dũng Sỹ (2004), *Khái niệm tiền gửi cá nhân được bảo hiểm nhìn dưới phương diện pháp lý*, Tham luận tại hội thảo khoa học về chủ đề “Đối tượng tiền gửi được bảo hiểm”, tháng 10/2004;
40. TS. Hà Huy Tấn, *Bảo hiểm tiền gửi và những vấn đề cần hoàn thiện để bảo vệ tốt hơn quyền lợi người gửi tiền*, Báo VIBOnline, đăng ngày 26/04/2014;
41. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (2004), *Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN về việc ban hành quy chế về tiền gửi tiết kiệm*;

42. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước(2014), *Thông tư 09/2014/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*;
43. Thủ tướng Chính phủ (1956), *Quy tắc số 739/T-Tg ngày 17/04/1956 về tổ chức hợp tác xã tín dụng nhân dân*;
44. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng kí hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung*;
45. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1394/QĐ-TTg ngày 13/08/2013 về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam*;
46. PGS.TS Lê Thị Thu Thủy (2008), *Pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam*, Sách chuyên khảo, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;
47. Bùi Hữu Toàn (2011), *Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, Luận văn tiến sỹ Luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội;
48. *Tranh chấp hợp đồng tín dụng: Gửi ngân hàng 3,9 tỷ còn gần 1 tỷ*, Công ty Luật Minh Khuê;
49. GS.TSKH Đào Trí Úc (2007), *Bảo vệ quyền lợi người gửi tiền theo pháp luật của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam – Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*, Thông tin Bảo hiểm tiền gửi số 3 năm 2007;